

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

Sinh viên : Nguyễn Thu Trang

HẢI PHÒNG – 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIAO NHẬN
HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER
BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG
MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TIMEX**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

Sinh viên: Nguyễn Thu Trang
Giảng viên hướng dẫn: Thạc sĩ Phan Thị Thu Huyền

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thu Trang

Mã SV: 2212408017

Lớp : QT2601L

Ngành : Quản trị kinh doanh

Tên đề tài: Giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nội dung của đề tài nghiên cứu về giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex.
- Phân tích chuyên sâu và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Tài liệu nghiên cứu, tham khảo bao gồm giáo trình về logistics, giao nhận vận tải quốc tế, vận tải biển; các văn bản pháp luật như Luật Thương mại, Luật Hải quan, Incoterms; cùng với báo cáo, chứng từ và quy trình thực tế tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex.
- Các số liệu nghiên cứu đảm bảo phù hợp, chính xác, đáng tin cậy

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phan Thị Thu Huyền

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2026

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2026

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phan Thị Thu Huyền
Đơn vị công tác: Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thu Trang Chuyên ngành: Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng
Nội dung hướng dẫn: Giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG GIAO NHẬN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN.....	3
1.1. Tổng quan về giao nhận hàng hóa quốc tế	3
1.1.1. Khái niệm giao nhận hàng hóa quốc tế	3
1.1.2. Vai trò của hoạt động giao nhận hàng hóa quốc tế	3
1.1.3. Đặc điểm của giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển	4
1.2. Giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container (FCL) bằng đường biển... 5	
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hàng nguyên Container (FCL)	5
1.2.2. Quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu FCL bằng đường biển	6
1.2.3. Các chứng từ liên quan trong quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu	8
1.2.4. Các bên tham gia trong quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu.....	10
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container	11
1.3.1. Yếu tố bên trong doanh nghiệp	11
1.3.2. Yếu tố bên ngoài doanh nghiệp.....	13
1.3.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động giao nhận hàng FCL nhập khẩu	14
1.4. Kinh nghiệm thực tiễn về nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container	15
1.4.1. Kinh nghiệm của một số doanh nghiệp trong nước	15
1.4.2. Bài học rút ra cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ XNK Timex	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIAO NHẬN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TIMEX	16
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Timex	16
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	16
2.1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự	18
2.1.3. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	21
1.3.2.1. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển và đường hàng không	21
1.3.2.2. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ.....	21
1.3.2.3. Dịch vụ hải quan	22
1.3.2.4. Dịch vụ cho thuê kho bãi	22

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2022 – 2024	22
2.2. Thực trạng quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại Công ty Timex	23
2.2.1. Đặc điểm hàng hóa nhập khẩu nguyên Container tại công ty Timex	24
2.2.2. Quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu thực tế tại công ty Timex	27
2.2.3. Thực trạng xử lý chứng từ và thủ tục hải quan	40
2.2.4. Thực trạng vận chuyển, lưu kho và giao hàng đến tay khách hàng	41
2.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container tại Công ty Timex.....	44
2.3.1. Kết quả đạt được	44
2.3.2. Những hạn chế và tồn tại.....	Error! Bookmark not defined.
2.3.2. Những hạn chế và tồn tại.....	45
2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế	47
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIAO NHẬN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TIMEX	49
3.1. Định hướng phát triển hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu của Công ty Timex đến năm 2030.....	49
3.1.1. Xu hướng phát triển ngành logistics và giao nhận vận tải biển tại Việt Nam	49
3.1.2. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty Timex	49
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container tại Công ty Timex.....	50
3.2.1. Hoàn thiện và chuẩn hóa quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu.....	50
3.2.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bộ phận giao nhận	56
3.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và theo dõi lô hàng	57
3.2.4. Tăng cường mối quan hệ với các đối tác: hãng tàu, cảng, đại lý hải quan... ..	58
3.2.5. Nâng cao công tác quản lý rủi ro và xử lý sự cố trong giao nhận hàng hóa. ..	58
3.2.6. Mở rộng và đa dạng hóa dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng	59
3.3. Kiến nghị.....	59
3.3.1. Kiến nghị đối với Nhà nước và các cơ quan quản lý.....	59
3.3.2. Kiến nghị đối với Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLA)	60
KẾT LUẬN	61
TÀI LIỆU THAM KHẢO	62

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam kết rằng khóa luận tốt nghiệp với đề tài:

"Giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex" là nghiên cứu do cá nhân em thực hiện dưới sự giúp đỡ của: Cô Phan Thị Thu Huyền là kết quả của sự nỗ lực và kiến thức tìm tòi cũng như tích lũy từ quá trình thực tập tại công ty và việc học tập chỉ dẫn dưới nhà trường.

Các số liệu, kết quả nghiên cứu và nội dung trình bày trong khóa luận là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chỉ có trong bài của em. Những thông tin, tài liệu tham khảo sử dụng trong khóa luận đều đã được trích dẫn đầy đủ theo đúng quy định.

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thu Trang

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến quý thầy cô trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức quý báu, chuyên sâu về ngành xuất nhập khẩu cũng như những kiến thức thực tiễn xã hội trong suốt quá trình học tập và rèn luyện tại trường. Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc và chân thành nhất tới các thầy cô trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng nói chung, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh - chuyên ngành Logistics nói riêng. Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn cô Phan Thị Thu Huyền – người đã trực tiếp hướng dẫn, tận tình chỉ bảo, định hướng và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này. Những ý kiến đóng góp và sự hỗ trợ của cô là nguồn động lực to lớn giúp em hoàn thành đề tài một cách tốt nhất.

Em xin chúc tất cả các thầy cô giáo luôn thành công trong sự nghiệp giáo dục đào tạo cũng như mọi lĩnh vực trong cuộc sống.

Em xin cảm ơn quý ban lãnh đạo và tập thể Công ty TNHH thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Timex đã tận tình hỗ trợ và giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hiểu chuyên sâu về những kiến thức thực tiễn của xuất nhập khẩu và những hành trang cần thiết để tiến bước trong xã hội trong quá trình thực tập tại Công ty.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình thực hiện, song do hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thu Trang

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Tên đầy đủ	Dịch
1	B/L	Bill of Lading	Vận đơn
2	C/O	Certificate of Origin	Chứng nhận xuất xứ
3	EIR	Equipment Interchange Receipt	Phiếu giao nhận container
4	FCL	Full Container Load	Hàng nguyên container
5	VNACCS	Vietnam Automated Cargo And Port Consolidated Sys	Hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam
6	XNK	Xuất nhập khẩu	
7	WMS	Warehouse Management System	Hệ thống quản lý kho hàng
8	D/O	Delivery Order	Lệnh giao hàng
9	CNEE	Consignee	Người nhận hàng
10	POD	Port of Loading	Cảng xếp hàng
11	POL	Port of Discharging	Cảng dỡ hàng
12	HR	Human Resources	Nhân sự
13	OPS	Operations	Vận hành
14	LCL	Less than Container Load	Hàng lẻ
15	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn	
16	GVC	Global Value Chain	Chuỗi giá trị toàn cầu
17	ICD	Inland Container Depot	Cảng nội địa
18	EDO	Electronic Delivery Order	Lệnh giao hàng điện tử

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2. 1 Bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty	22
---	----

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. 1. Quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu FCL bằng đường biển.....	6
Hình 2. 1. Logo công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK Timex.....	16
Hình 2. 2. Văn phòng công ty tại Hải Phòng	18
Hình 2. 3. Văn phòng làm việc của nhân viên công ty tại Hải Phòng	18
Hình 2. 4. Cơ cấu tổ chức của công ty	18
Hình 2. 5. Sơ đồ quy trình tổng quát giao nhận hàng nguyên container nhập khẩu bằng đường biển của Công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK TIMEX	28
Hình 2. 6. Phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS – VNACCS	31
Hình 2. 7. Bảng chi tiết chi phí Thông báo hàng đến (Arrival Notice)	35

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp bách của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các quốc gia không ngừng gia tăng cả về quy mô lẫn giá trị. Điều này đã tạo điều kiện cho ngành logistics và giao nhận vận tải quốc tế phát triển nhanh chóng, trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong các phương thức vận tải hiện nay, vận tải biển được xem là phương thức phổ biến và giữ vai trò chủ đạo trong thương mại quốc tế do có khả năng vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn với chi phí thấp hơn so với nhiều phương thức khác. Đặc biệt, hình thức vận chuyển hàng hóa nguyên container (FCL) bằng đường biển ngày càng được các doanh nghiệp ưu tiên lựa chọn bởi tính an toàn, hạn chế hư hỏng hàng hóa và giúp tối ưu hóa thời gian giao nhận.

Việt Nam cũng đang từng bước hoàn mình vào toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của thương mại thế giới. Trong đó xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc gia, là đòn đẩy kinh tế mà nếu ta tận dụng được tốt sẽ tạo tiền đề cho nền kinh tế tăng trưởng vận tải theo hướng hội nhập, giao thương giữa các nước ngày càng mở rộng thì vai trò của hoạt động giao nhận hàng hóa và vận tải quốc tế được nâng cao.

Tính cấp thiết không chỉ là chất lượng dịch vụ mà còn giảm thiểu chi phí để có thể cạnh tranh trong thời điểm mà các công ty trong ngành logistics mọc lên ngày một nhiều doanh nghiệp giao nhận hàng hóa do đó em đã lựa chọn "Giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex" làm đề tài cho bài luận văn của mình.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài

Đề tài được thực hiện nhằm tìm hiểu và hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển trong lĩnh vực Logistics và xuất nhập khẩu. Đồng thời, nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Timex để đánh giá những kết quả đạt được cũng như các hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

Thông qua việc nghiên cứu thực tế tại doanh nghiệp, đề tài hướng đến việc xác định các nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả giao nhận hàng hóa như thời gian xử lý chứng từ, chi phí phát sinh, quy trình phối hợp giữa các bộ phận và những rủi ro trong hoạt động nhập khẩu bằng đường biển. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số

giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại công ty, góp phần tiết kiệm thời gian, giảm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động giao nhận hàng nguyên container của công ty TNHH XNK Timex.
- Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK Timex. Quy trình thực hiện giao nhận và các hoạt động giao nhận hàng hóa bao gồm: thủ tục hải quan, xử lý chứng từ và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích: Phân tích từ những thu thập và tổng hợp dữ liệu sách, giáo trình, báo cáo công ty và các tài liệu liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển.
- Phương pháp quan sát thực tế trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Timex nhằm tìm hiểu quy trình giao nhận hàng hóa nguyên container.
- Cuối cùng tổng hợp, đánh giá về hình hình hoạt động từ đó đưa ra giải pháp trên cơ sở khoa học và mang ý thực tiễn.

5. Nội dung của khóa luận

Nội dung của bài báo cáo bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển.

Chương 2: Phân tích thực trạng hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Timex.

Chương 3: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Timex.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG GIAO NHẬN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

1.1. Tổng quan về giao nhận hàng hóa quốc tế

1.1.1. Khái niệm giao nhận hàng hóa quốc tế

Theo Liên đoàn Quốc tế của Hiệp hội các nhà giao nhận vận tải FIATA, dịch vụ giao nhận (Freight Forwarding) được định nghĩa như sau: “Giao nhận vận tải là bất kỳ loại dịch vụ nào liên quan đến chuyên chở (được thực hiện bởi một hoặc nhiều dạng phương tiện vận tải), gom hàng, lưu kho, xếp dỡ, đóng gói hay phân phối hàng hoá cũng như dịch vụ tư vấn hay có liên quan đến các dịch vụ trên, kể cả các vấn đề hải quan, tài chính, mua bảo hiểm, thanh toán, thu thập chứng từ liên quan đến hàng hoá”. (FIATA, 1996, FIATA Model Rules for Freight Forwarding Services) Có thể hiểu rằng: Giao nhận hàng hoá là hành vi thương mại, theo đó người làm dịch vụ giao nhận hàng hoá nhận hàng từ người gửi, tổ chức vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm các thủ tục giấy tờ và các các dịch vụ khác có liên quan để giao hàng cho người nhận theo sự uỷ thác của chủ hàng, của người vận tải hoặc của người giao nhận khác.

Nói một cách ngắn gọn, giao nhận là tập hợp những nghiệp vụ, thủ tục có liên quan đến quá trình vận tải nhằm thực hiện việc di chuyển hàng hóa từ nơi gửi hàng (người gửi hàng) đến nơi nhận hàng (người nhận hàng). Người giao nhận có thể làm các dịch vụ một cách trực tiếp hoặc thông qua đại lý và thuê dịch vụ của người thứ ba khác.

1.1.2. Vai trò của hoạt động giao nhận hàng hóa quốc tế

Khi các hoạt động xuất nhập khẩu, hoạt động mua bán hàng hóa phát triển thì giao nhận ngày càng thể hiện vai trò của mình.

Trước xu thế toàn cầu hóa hiện nay, ngành vận tải biển đã dần trở thành một trong những phương thức vận chuyển hàng hóa hữu hiệu giữa các quốc gia trên thế giới. Khối lượng vận chuyển lớn, giá thành rẻ và chất lượng vận chuyển khá tốt nên loại hình này vẫn đang được chú ý khai thác. Cũng chính vì vậy mà vận tải biển có đóng góp rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế quốc tế.

- Thúc đẩy lưu thông hàng hóa và thương mại quốc tế

Giao nhận là cầu nối giúp xóa bỏ rào cản về khoảng cách địa lý giữa người sản xuất và người tiêu dùng ở các quốc gia khác nhau. Trong đó mở rộng thị trường sẽ giúp cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ toàn cầu. Tối ưu hóa các phương thức vận tải giúp rút ngắn chu kỳ kinh doanh và quay vòng vốn nhanh hơn.

- Giảm chi phí và tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp

Tối ưu hóa chi phí vận hành thông qua việc lựa chọn lộ trình (routing) và phương thức vận tải (mode of transport) phù hợp nhất. Gộp hàng (Consolidation) giúp các doanh nghiệp nhỏ giảm cước phí bằng cách kết hợp hàng lẻ (LCL) thành hàng nguyên container (FCL). Giảm rủi ro tài chính hạn chế các chi phí phát sinh do chậm trễ, hư hỏng hoặc sai sót chứng từ hải quan.

- Cầu nối chuyên môn trong chuỗi cung ứng (Logistics Outsourcing)

Doanh nghiệp giao nhận (Freight Forwarder) đóng vai trò là chuyên gia thay mặt chủ hàng giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp như thủ tục hành chính: Am hiểu pháp luật hải quan, kiểm tra chuyên ngành và các quy định xuất nhập khẩu tại nước sở tại và nước đến; quản trị chứng từ: Xử lý bộ chứng từ vận tải (Bill of Lading, AWB), chứng từ bảo hiểm và chứng nhận xuất xứ (C/O) một cách chính xác.

- Giao nhận là chiếc cầu nối cho mỗi mối quan hệ giữa người bán và người mua, góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế “toàn cầu hóa”. Giao nhận giúp doanh nghiệp giảm được các chi phí và rủi ro hàng hóa, cũng như tiết kiệm được tổng thời gian cho quá trình thực hiện một đơn hàng, nhất là đối với những doanh nghiệp còn “non trẻ” trong nghiệp vụ giao nhận hàng hóa quốc tế.

- Giao nhận còn giúp doanh nghiệp hạn chế xảy ra các tranh chấp, khiếu nại về tổn thất hàng hóa, và nếu có xảy ra thì các công ty giao nhận sẽ đứng ra giải quyết phối hợp với công ty bảo hiểm, bảo vệ lợi ích của nhà xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, nếu hàng hóa phải chuyển tải tại một nước thứ ba, công ty giao nhận phải đảm trách việc giao nhận hàng lên tàu thứ nhất và tìm cách gửi hàng lên tàu thứ hai để đi đến nơi đến. Điều này hoàn toàn thuận lợi và tiết kiệm chi phí nhà xuất nhập khẩu nếu như trong trường hợp còn ít kinh nghiệm trong quá cảnh hàng hóa.

1.1.3. Đặc điểm của giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển

Hoạt động giao nhận hàng hóa có các đặc điểm sau: Không tạo ra sản phẩm vật chất mà chỉ tác động làm cho đối tượng lao động ở đây là hàng hóa thay đổi vị trí về mặt không gian chứ không phải là sự tác động về mặt kỹ thuật vào đối tượng lao động. Hoạt động giao nhận có tính thụ động: do phụ thuộc vào nhu cầu của khách hàng, các quy định của người vận chuyển, các ràng buộc về pháp luật, tập quán của các nước người xuất khẩu, nước người nhập khẩu, nước thứ ba,..

Hoạt động giao nhận hàng hóa mang tính thời vụ: sản xuất thương mại gắn liền với vận tải giao nhận, hoạt động giao nhận phụ thuộc vào hoạt động xuất nhập khẩu, mà hoạt động xuất nhập khẩu mang tính thời vụ nên hoạt động giao nhận mang tính thời vụ.

Hoạt động giao nhận phụ thuộc vào cơ sở vật chất và trình độ của người giao nhận: để tham gia hoạt động giao nhận hàng, nhất là trong điều kiện container hoá như hiện nay. Người giao nhận cần có một cơ sở hạ tầng với những trang bị máy móc thiết bị hiện đại để phục vụ hoạt động giao nhận. Hoạt động giao nhận hàng có thể diễn ra trong khoảng thời gian ngắn nhất để đưa hàng hóa đến nơi khách hàng yêu cầu phụ thuộc rất nhiều vào trình độ của người tham gia vào quy trình. Nếu người tham gia quy trình có sự am hiểu và kinh nghiệm trong lĩnh vực này thì sẽ xử lý thông tin thu được trong khoảng thời gian nhanh nhất. Chất lượng của hàng hóa cũng sẽ được đảm bảo do đã có kinh nghiệm làm hàng với nhiều loại hàng khác nhau. Trình độ của người giao nhận cũng là nhân tố quyết định đến chất lượng hoạt động giao nhận và đem lại uy tín, niềm tin cho khách hàng.

1.2. Giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container (FCL) bằng đường biển

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hàng nguyên Container (FCL)

***Khái niệm**

Hàng nguyên Container (Full Container Load – FCL) là phương thức vận chuyển hàng hóa trong đó người gửi hàng thuê và sử dụng toàn bộ dung tích của một container riêng biệt để đóng hàng. Toàn bộ hàng hóa trong container thuộc về một chủ hàng duy nhất, không chia sẻ với các lô hàng của chủ hàng khác.

Trong hình thức FCL, người gửi hàng chịu trách nhiệm đóng gói, sắp xếp hàng hóa và niêm phong container tại kho hoặc tại địa điểm chỉ định (CY – Container Yard hoặc ICD). Sau đó, container được hãng tàu vận chuyển nguyên niêm phong đến cảng đích và giao cho người nhận hàng.

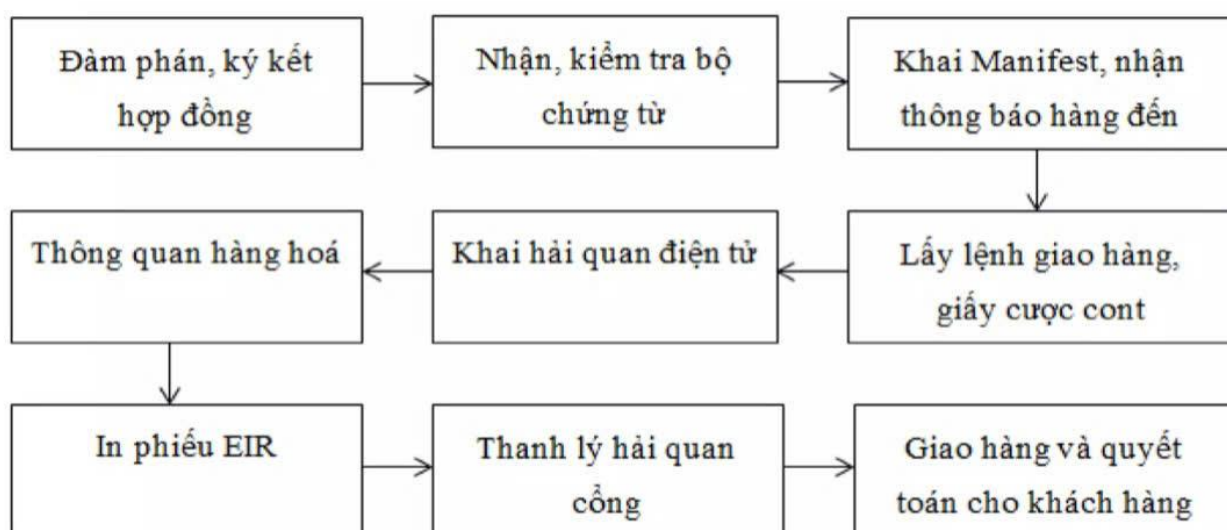
***Đặc điểm**

Hàng nguyên Container (FCL) có các đặc điểm cơ bản sau:

- Toàn bộ container thuộc quyền sử dụng của một chủ hàng duy nhất. Điều này giúp đảm bảo tính riêng biệt của lô hàng, hạn chế tối đa tình trạng nhầm lẫn, mất mát hoặc lẫn lộn hàng hóa với các chủ hàng khác trong quá trình vận chuyển và lưu kho.
- Trách nhiệm đóng hàng thuộc về người gửi hàng (shipper). Người gửi hàng phải thực hiện đầy đủ các công việc như kiểm đếm, đóng gói, sắp xếp hàng hóa trong container, gia cố hàng hóa (nếu cần) và niêm phong container bằng seal. Hãng tàu chỉ tiếp nhận container đã được đóng và niêm phong sẵn.
- Tính an toàn cao hơn so với hàng lẻ (LCL). Do container không bị mở trong suốt quá trình vận chuyển (trừ trường hợp kiểm tra hải quan), nên giảm thiểu rủi ro hư hỏng, thất thoát hoặc nhiễm chéo hàng hóa.

- Thủ tục giao nhận đơn giản hơn so với LCL. FCL không cần thực hiện các công đoạn gom hàng (consolidation) hoặc chia hàng (deconsolidation) tại cảng hoặc kho CFS, giúp giảm thời gian xử lý tại cảng và hạn chế phát sinh chi phí trung gian.
- Chi phí vận chuyển có lợi khi khối lượng hàng lớn. Mặc dù chi phí thuê nguyên container ban đầu cao hơn so với LCL, nhưng khi tính trên đơn vị hàng hóa, FCL thường tiết kiệm hơn nếu lô hàng đủ lớn để tận dụng hết hoặc gần hết dung tích container
- Tính chủ động cao trong vận chuyển. Người gửi hàng có thể chủ động hơn trong việc sắp xếp thời gian đóng hàng, lựa chọn tuyến vận chuyển, cũng như kiểm soát quá trình đóng gói và bảo quản hàng hóa trước khi xuất khẩu.
- Phù hợp với hàng hóa có tính ổn định và khối lượng lớn như hàng công nghiệp, hàng xuất nhập khẩu thường xuyên, hàng có giá trị cao hoặc yêu cầu bảo quản riêng biệt.

1.2.2. Quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu FCL bằng đường biển



Hình 1. 1. Quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu FCL bằng đường biển

(Nguồn: Dữ liệu công ty và sinh viên tự tổng hợp từ thực tế)

* Đàm phán, ký kết hợp đồng

Người được giao trách nhiệm đàm phán phải là người thông minh, nhanh nhẹn, khéo léo, cẩn thận, có kinh nghiệm xử lý những vấn đề có thể xảy ra trong quá trình đàm phán, tránh gây ảnh hưởng cho những lần ký kết hợp đồng tiếp theo. Hợp đồng cần chuẩn bị kỹ lưỡng, tránh những sơ sót hoặc các điều khoản không rõ ràng giữa trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi bên.

*** Nhận, kiểm tra và hoàn chỉnh bộ chứng từ**

Bước nhận, kiểm tra và hoàn chỉnh bộ chứng từ dùng để phục vụ cho quá trình nhận hàng tại cảng: khai hải quan điện tử, lấy lệnh giao hàng (D/O - Delivery Order) và làm thủ tục hải quan. Khi kiểm tra chứng từ, nếu có những sai sót cần thông báo ngay cho đại lý xuất khẩu để sửa chữa kịp thời.

*** Khai Manifest, nhận thông báo hàng đến (AVN - Arrival Note)**

Tiến hành khai Manifest trực tiếp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (<https://vnsw.gov.vn/>) trước khi tàu cập cảng dỡ ít nhất 24 giờ. Nhằm tránh nhiều trường hợp không được lấy hàng và phát sinh thêm nhiều chi phí.

Thông báo hàng đến thường được gửi cho người nhận hàng sau khi tàu về đến cảng dỡ, nhằm thông báo về thông tin chi tiết của lô hàng. Đây cũng là chứng từ để người nhận làm căn cứ lấy hàng.

*** Lấy lệnh giao hàng và giấy cược cont**

Sau khi nhận được thông báo hàng đến từ phía hãng tàu, để lấy lệnh giao hàng D/O, nhân viên giao nhận cần chuẩn bị: Giấy giới thiệu, chứng minh nhân dân và vận đơn đường biển (B/L - Bill of Lading). Sau đó đóng các khoản phí thì sẽ nhận được lệnh giao hàng D/O.

Giấy cược cont: nhân viên giao nhận sẽ điền vào mẫu giấy cam kết mượn cont và đóng phí cược cont.

*** Khai hải quan điện tử trên hệ thống VNACC**

Truy cập vào phần mềm ECUSS để tiến hành khai hải quan điện tử. Cần tìm hiểu thật kỹ thông tin mặt hàng nhập khẩu để xác định chính xác mã HS, nhằm tránh khỏi việc phải đóng những khoản thuế không thích đáng. Sau đó lên tờ khai phân luồng để tiến hành thông quan tờ khai và lấy hàng ở Cảng.

*** Thông quan hàng hoá**

Sau khi hoàn tất việc mở và truyền tờ khai Hải quan, hệ thống của ECUSS VNACCS sẽ dựa vào kết quả của tờ khai để phân luồng cho lô hàng và tiến hành làm thủ tục thông quan cho lô hàng và tiến hành đóng thuế. Sau khi thông quan và đóng thuế cho lô hàng sẽ in mã vạch trên website của Tổng cục Hải quan hoặc trên phần mềm ECUS5.

*** In phiếu EIR**

Nhân viên giao nhận đến phòng thương vụ cảng để nộp lệnh giao hàng (D/O) cho nhân viên phòng thương vụ. Sau đó đóng tiền nâng hạ cont để xuất phiếu EIR.

*** Thanh lý hải quan cổng**

Tiến hành thanh lý tờ khai gồm: D/O, phiếu EIR, tờ khai thông quan, mã vạch. Hải quan sẽ vào sổ tàu và đóng dấu vào tờ khai, phiếu EIR, mã vạch.

*** Giao hàng và quyết toán cho khách**

Lấy hàng và giao hàng cho khách tại địa điểm đã thỏa thuận. Sau khi giao hàng xong và có biên bản giao hàng, bộ phận kế toán kết toán tất cả những chi phí mà công ty đã bỏ ra trong suốt quá trình làm hàng, để thanh toán với khách hàng theo đúng hợp đồng.

1.2.3. Các chứng từ liên quan trong quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu

1. Vận đơn đường biển (Bill of Lading – B/L)

Vận đơn (thường hay gọi là vận đơn đường biển) là chứng từ vận tải do người vận chuyển, hoặc thuyền trưởng (đường biển) hoặc đại lý của người vận chuyển ký phát sau khi hàng hóa đã được xếp lên tàu hoặc hàng hóa đã được nhận và chờ xếp lên tàu. (Hải, 2021)

2. Hợp đồng thương mại (Sale Contract)

Hợp đồng thương mại là sự thỏa thuận của bên mua và bên bán giữa hai nước khác nhau, trong đó quy định bên bán phải cung cấp hàng hóa, chuyển giao các chứng từ có liên quan đến hàng hóa và quyền sở hữu đối với hàng hóa cho bên mua và bên mua phải thanh toán tiền hàng cho bên bán. (Hải, 2021) Trong đó, có một số điều khoản quan trọng và bắt buộc (theo Luật thương mại 2005) như: Commodity - mô tả hàng hóa, Quality - phẩm chất hàng, Quantity - Số lượng, trọng lượng hàng, Price - đơn giá hàng, kèm theo điều kiện thương mại (vd: FOB cảng xếp), Shipment - thời hạn, địa điểm giao hàng, Payment - phương thức, thời hạn thanh toán. Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của các bên, còn có những điều khoản quan trọng khác như: Packing & Marking - quy cách đóng gói, và ghi nhãn hiệu hàng hóa, Warranty- bảo hành hàng hóa (nếu có), Force Maejure - bất khả kháng, Claim - khiếu nại, Arbitration - trọng tài, Other conditions - các quy định khác,...

3. Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing list)

Packing List còn được gọi là phiếu đóng gói / bảng kê / phiếu chi tiết hàng hóa danh sách hàng là một trong những chứng từ không thể thiếu của bộ chứng từ xuất nhập khẩu. Trên packing list thể hiện rõ người bán đã bán những cái gì cho người mua, qua đó người mua có thể kiểm tra và đối chiếu lại xem có giống với đơn

hàng đã đặt hay không. Packing list giúp cho việc kiểm đếm hàng hóa được thuận lợi hơn. (Hồng, 2021). Về cơ bản sẽ gồm những nội dung chính sau:

- Số & ngày lập hóa đơn (thường người ta không hay dùng số Packing List)
- Tên, địa chỉ người bán & người mua
- Cảng xếp, dỡ
- Tên tàu, số chuyến...
- Danh sách hàng hóa: mô tả, số lượng, trọng lượng, số kiện, thể tích....

4. Giấy thông báo hàng đến (*Arrival Notice – A/N*)

Giấy thông báo hàng đến là giấy thông báo chi tiết của hãng tàu, đại lý hãng tàu hay công ty logistics gửi đến để thông báo tình trạng của hàng hóa, thông tin của lô hàng, số lượng và thông báo cước phí vận chuyển có thể người mua phải thanh toán tại đầu nhập khẩu. (Châu, 2009) Chứng từ Arrival Notice cung cấp thông tin chi tiết của lô hàng và căn cứ vào đó để lấy lệnh giao hàng D/O. Trên thông báo hàng đến sẽ thể hiện các nội dung chính như sau :

- Vessel/ voyage : Tên tàu / số chuyến tàu
- Container No. / Seal No. : Số Container / Số chì
- MBL/ HBL : Số vận đơn đường biển
- Port of Loading : Cảng xếp hàng / Port of Discharge : Cảng dỡ hàng - ETD (Estimated Time of Departure) : Dự định thời gian đi
- ETA (Estimated Time of Arrival) : Dự định thời gian đến
- Port / Warehouse : Cảng / Kho hàng
- Local Charges : phí địa phương được trả tại cảng load hàng và cảng xếp hàng
- Pick up D/O at : Lấy lệnh giao hàng tại
- Remark : Ghi chú

5. Lệnh giao hàng (*Delivery Order – D/O*) D/O

Là chứng từ mà người nhập khẩu nhận được từ hãng tàu hoặc công ty forwarder để trình cho cơ quan giám sát kho hàng (cảng đến) trước khi có thể rút hàng ra khỏi container, kho, bãi,... Nội dung của chứng từ này được lập dựa trên Vận đơn đường biển và ghi rõ thời hạn hiệu lực chứng từ. (Hồng, 2021) Các loại lệnh giao hàng được sử dụng phổ biến nhất hiện nay, được phân chia tùy theo đối tượng ban hành bao gồm 2 loại: D/O của forwarder và D/O của hãng tàu.

- D/O hãng tàu phát hành: Hình thức D/O này là do hãng tàu phát hành cho công ty FWD, yêu cầu người giữ hàng giao lô hàng cho công ty FWD đó.

- D/O forwarder phát hành: Hình thức D/O này do công ty FWD ban hành cho người nhận hàng thực tế, yêu cầu người giữ hàng giao lô hàng cho người nhận hàng đó.

Lệnh giao hàng D/O gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Người nhận hàng (Consignee) / Người gửi hàng (Shipper)
- Tên tàu (Vessel) - Ngày dự kiến tàu đến (ETA) - Cảng dỡ hàng xuống (POD)
- Ký mã hiệu hàng hóa (Code goods) - Số lượng hàng hóa, trọng lượng và thể tích (Gross weight, net weight...)

6. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Là một chứng từ thương mại được phát hành bởi người bán cho người mua, trong đó ghi một cách chi tiết về hàng hóa được mua và số tiền phải trả. Hóa đơn thương mại có thể được gửi trực tiếp cho người nhập khẩu, gửi kèm hàng hóa hoặc qua ngân hàng. Đây là chứng từ hợp lệ trong bộ hồ sơ hải quan. (Hải, 2021)

7. Tờ khai hải quan (Customs declaration)

Là văn bản mà ở đó, chủ hàng hoặc chủ phương tiện phải kê khai đầy đủ thông tin chi tiết về lô hàng hoặc phương tiện cho cơ quan hải quan để thực hiện thủ tục hải quan khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa. (Hồng, 2021). Hiện tại, việc khai báo hải quan đã trở nên dễ dàng hơn với Hệ thống hải quan điện tử VNACCS/VCIS. Hệ thống này được áp dụng trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng phát triển và giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí cũng như thời gian thông quan hàng hóa. Người giao nhận có thể khai báo Hải quan và chỉnh sửa tờ khai (nếu có sai sót) trực tiếp trên hệ thống rồi in ra để làm thủ tục thông quan.

1.2.4. Các bên tham gia trong quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu

Quy trình giao nhận hàng nguyên container (FCL) nhập khẩu là một chuỗi phối hợp liên hoàn giữa nhiều bên. Mỗi bên đóng một vai trò mắt xích để đảm bảo hàng hóa được lưu chuyển thông suốt.

- a) Người nhập khẩu (Importer/Consignee): Là chủ hàng, người mua hàng trong hợp đồng ngoại thương.
 - Vai trò: Là người chịu trách nhiệm chính về việc tiếp nhận hàng hóa tại nước nhập khẩu.
 - Trách nhiệm: Thanh toán tiền hàng, thuế nhập khẩu; thực hiện thủ tục hải quan; thanh toán cước phí và các chi phí liên quan (local charges) để lấy lệnh giao hàng (D/O); điều xe vận tải kéo container về kho riêng.
- b) Người xuất khẩu (Exporter/Shipper): Là người bán hàng, người gửi hàng.

- Vai trò: Khởi đầu chuỗi cung ứng bằng việc chuẩn bị hàng và giao cho đơn vị vận tải.
 - Trách nhiệm: Đóng hàng vào container tại kho hoặc cảng xuất; làm thủ tục xuất khẩu; gửi bộ chứng từ (Invoice, Packing List, B/L, C/O...) cho người nhập khẩu để họ có căn cứ nhận hàng.
- c) Hãng tàu (Shipping Line) và Đại lý hãng tàu (Shipping Agent): Đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển đường biển.
- Vai trò: Chủ phương tiện vận tải hoặc người vận hành tàu.
 - Trách nhiệm: Vận chuyển container an toàn từ cảng xếp đến cảng đích; phát hành Thông báo hàng đến (Arrival Notice); thu phí và phát hành Lệnh giao hàng (D/O) cho người nhận hàng.
- d) Cơ quan hải quan (Customs Authority)
- Vai trò: Giám sát, kiểm tra hàng hóa nhập khẩu để đảm bảo tuân thủ pháp luật và thu thuế.
 - Trách nhiệm: Tiếp nhận tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ (luồng Vàng) hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa (luồng Đỏ); quyết định thông quan cho lô hàng.
- e) Cảng biển / ICD (Port / Inland Container Depot)
- Vai trò: Điểm tập kết, nơi lưu giữ và giao nhận container.
 - Trách nhiệm: Xếp dỡ container từ tàu xuống bãi; lưu giữ container; kiểm soát phiếu giao nhận container (EIR) và cho phép container rời cổng cảng khi đã đủ thủ tục.
- f) Forwarder / Công ty giao nhận (Freight Forwarder)
- Vai trò: Là người đại diện cho chủ hàng (người nhập khẩu) để thực hiện các nghiệp vụ giao nhận.
 - Trách nhiệm: Tư vấn lộ trình; thay mặt chủ hàng làm thủ tục hải quan, lấy D/O, làm thủ tục cảng, sắp xếp vận chuyển container về kho, theo dõi toàn bộ lô hàng.
- g) Công ty vận tải nội địa (Trucking Company)
- Vai trò: Vận chuyển container từ cảng/ICD về kho người nhập khẩu.
 - Trách nhiệm: Kéo container (drayage), trả container rỗng về cảng.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container

1.3.1. Yếu tố bên trong doanh nghiệp

Hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố nội tại của doanh nghiệp. Những yếu tố này quyết định khả

năng tổ chức, quản lý và thực hiện quy trình giao nhận một cách nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm chi phí. Cụ thể gồm:

- **Thứ nhất, năng lực quản lý và tổ chức điều hành.**

Ban lãnh đạo và bộ phận quản lý có vai trò quan trọng trong việc xây dựng quy trình giao nhận khoa học, phân công công việc hợp lý và kiểm soát tiến độ thực hiện. Một hệ thống quản lý hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế sai sót chứng từ, giảm thời gian thông quan và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- **Thứ hai, trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên.**

Nhân viên giao nhận cần có kiến thức về nghiệp vụ ngoại thương, hải quan, vận tải quốc tế và các quy định pháp luật liên quan. Kỹ năng xử lý tình huống, khả năng giao tiếp với khách hàng, hãng tàu và cơ quan hải quan cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giao nhận hàng hóa.

- **Thứ ba, cơ sở vật chất và trang thiết bị.**

Hệ thống kho bãi, phương tiện vận tải, trang thiết bị xếp dỡ và công nghệ hỗ trợ là yếu tố quan trọng giúp quá trình giao nhận diễn ra thuận lợi. Doanh nghiệp có cơ sở vật chất hiện đại sẽ nâng cao khả năng bảo quản hàng hóa, giảm thiểu hư hỏng và tiết kiệm thời gian xử lý.

- **Thứ tư, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin.**

Việc sử dụng phần mềm quản lý logistics, khai báo hải quan điện tử và hệ thống theo dõi đơn hàng giúp doanh nghiệp kiểm soát thông tin chính xác, cập nhật kịp thời tình trạng lô hàng và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận.

- **Thứ năm, nguồn lực tài chính của doanh nghiệp.**

Nguồn vốn ổn định giúp doanh nghiệp chủ động trong thanh toán cước phí, đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng dịch vụ và xử lý các rủi ro phát sinh trong quá trình giao nhận.

- **Thứ sáu, chất lượng dịch vụ khách hàng và uy tín doanh nghiệp.**

Doanh nghiệp có uy tín tốt thường xây dựng được mối quan hệ lâu dài với khách hàng, hãng tàu và đối tác logistics. Điều này giúp quá trình giao nhận diễn ra thuận lợi hơn, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Nhìn chung, các yếu tố bên trong doanh nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động trực tiếp đến hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container. Vì vậy, doanh nghiệp cần không ngừng nâng cao năng lực quản lý, đầu tư công nghệ và phát triển nguồn nhân lực nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động giao nhận

1.3.2. Yếu tố bên ngoài doanh nghiệp

Bên cạnh các yếu tố nội tại trên, hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) còn chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp. Một trong số những yếu tố mà doanh nghiệp khó kiểm soát hoàn toàn nhưng có ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian, chi phí và chất lượng giao nhận hàng hóa.

- **Chính sách pháp luật và thủ tục hải quan**

Các quy định của Nhà nước liên quan đến xuất nhập khẩu, thuế quan chính sách mặt hàng (cấm nhập khẩu, nhập khẩu có điều kiện, kiểm tra chuyên ngành) ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thông quan. Một sự thay đổi nhỏ trong thông tư, nghị định cũng có thể làm thay đổi toàn bộ quy trình lập chứng từ.

- **Cơ sở hạ tầng giao thông và cảng biển**

Hiệu quả giao nhận phụ thuộc rất lớn vào hạ tầng cảng biển, kho bãi (máy móc xếp dỡ, cầu cảng), và mạng lưới giao thông đường bộ nối từ cảng về kho của doanh nghiệp vẫn còn tình trạng ùn tắc tại cảng hoặc kẹt xe trên các tuyến đường huyết mạch sẽ kéo dài thời gian vận chuyển container.

- **Các đối tác cung cấp dịch vụ (Hãng tàu, Forwarder, Cảng)**

Hãng tàu: Tần suất chuyến, sự ổn định của lịch trình và số lượng container rỗng.

Cảng/Kho bãi: Tốc độ xử lý tại bãi (CY), thủ tục nâng hạ container và tính minh bạch trong phí dịch vụ (local charges).

- **Tình hình kinh tế và thị trường quốc tế**

Giá cước vận tải biển (freight), phí xăng dầu và biến động tỷ giá hối đoái ảnh hưởng trực tiếp đến tổng chi phí giao nhận. Đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm, việc khan hiếm container hoặc chỗ trên tàu (space) sẽ gây khó khăn lớn cho việc nhập hàng.

- **Yếu tố thời tiết và điều kiện tự nhiên.**

Thiên tai, bão lũ, dịch bệnh hoặc điều kiện thời tiết xấu có thể gây gián đoạn vận tải, ảnh hưởng đến lịch trình tàu và tiến độ giao hàng. Điều này làm tăng nguy cơ phát sinh chi phí và kéo dài thời gian giao nhận.

- **Cạnh tranh trong ngành logistics**

Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành logistics có thể đơn giản chỉ từ việc đánh giá chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng, tạo cho họ cảm giác gần gũi nhưng vẫn kèm sự tôn trọng, trân trọng, những ưu đãi hấp dẫn để giữ chân khách hàng.

1.3.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động giao nhận hàng FCL nhập khẩu

Để đánh giá hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL), doanh nghiệp thường sử dụng nhiều chỉ tiêu khác nhau nhằm phản ánh mức độ hoàn thành công việc, khả năng tiết kiệm chi phí và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Các chỉ tiêu cơ bản gồm:

- Thời gian

Thời gian lưu chuyển chứng từ: Tính từ lúc nhận bộ chứng từ từ người xuất khẩu đến khi hoàn thiện hồ sơ khai báo hải quan.

Thời gian thông quan (Lead time): Tính từ thời điểm truyền tờ khai hải quan đến khi hàng được chấp nhận thông quan/giải phóng hàng.

Thời gian quay vòng container (Cycle time): Tính từ khi container được dỡ xuống cảng cho đến khi rút hàng xong và trả vỏ container rỗng về bãi (nhằm tránh phí phạt DET).

- Chi phí (Cost)

Tổng chi phí giao nhận trên mỗi container: Bao gồm cước vận chuyển, thuế, phí tại cảng (Local charges), phí nâng hạ, và phí vận chuyển nội địa.

- Năng suất lao động của nhân viên giao nhận

Được thể hiện qua số lượng lô hàng xử lý trong một khoảng thời gian nhất định hoặc hiệu quả hoàn thành công việc của nhân viên. Chỉ tiêu này giúp doanh nghiệp đánh giá khả năng làm việc và mức độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự

- Chất lượng và Độ tin cậy (Quality & Reliability)

Đảm bảo lô hàng an toàn: Số lượng container được giao về kho nguyên đai, nguyên kiện, không bị rách seal, móp méo hoặc hư hỏng hàng hóa bên trong.

Mức độ chính xác của chứng từ: Tỷ lệ tờ khai hải quan không phải sửa đổi, bổ sung hoặc không bị bác bỏ trị giá tính thuế.

Đảm bảo đúng hạn (On-time delivery): Số lượng lô hàng về kho doanh nghiệp đúng theo kế hoạch sản xuất/kinh doanh đã đề ra.

- Mức độ hài lòng của khách hàng.

Sự hài lòng của khách hàng được đánh giá thông qua chất lượng phục vụ, tốc độ xử lý công việc, khả năng hỗ trợ và giải quyết vấn đề phát sinh. Đây là chỉ tiêu quan trọng phản ánh uy tín và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

1.4. Kinh nghiệm thực tiễn về nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container

1.4.1. Kinh nghiệm của một số doanh nghiệp trong nước

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng phát triển, nhiều doanh nghiệp logistics tại Việt Nam đã áp dụng các giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL). Những kinh nghiệm thực tiễn này là cơ sở tham khảo quan trọng cho các doanh nghiệp logistics khác. Qua tham khảo và tìm hiểu em có nhận thấy kinh nghiệm của Gemadept là một trong những ví dụ điển hình mà nhiều công ty, doanh nghiệp học hỏi.

Gemadept là một trong những doanh nghiệp logistics và khai thác cảng lớn tại Việt Nam. Để nâng cao hiệu quả giao nhận hàng FCL nhập khẩu, doanh nghiệp đã:

- Đầu tư mạnh vào hệ thống cảng biển, ICD(cảng nội địa) và kho bãi hiện đại.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý container và theo dõi tiến độ giao nhận.
- Xây dựng mạng lưới vận tải đa phương thức nhằm rút ngắn thời gian giao hàng.
- Tăng cường liên kết với hãng tàu và cơ quan hải quan để xử lý chứng từ nhanh chóng.

Kết quả:

- Giảm thời gian lưu container tại cảng.
- Tối ưu chi phí logistics và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIAO NHẬN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TIMEX

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Timex

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

a) Một số thông tin chung



Hình 2. 1. Logo công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK Timex

(Nguồn: Sinh viên thu thập từ văn phòng công ty)

Tên chính thức: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TIMEX

Tên nước ngoài: TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: TIMEX TRASECO

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn

Ngày hoạt động: 31/05/2018

Địa chỉ: Số 2 Đông Chính, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính: Tầng 5, số 113 Đường Hoàng Thế Thiện, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Văn phòng tại Huế: Số 46, Đường số 4, Khu đô thị An Cựu, Thành phố Huế.

Văn phòng tại TP.HCM: Tầng 6, Số 105 Bến Vân Đồn, Tòa 258, Phường 9, Quận 4, TP.HCM.

Văn phòng tại Lào: Thôn Nalao, Thành phố Kaysone, Phomvihane, Tỉnh Savanakheth, CHDCND Lào.

Điện thoại: 0936.890.199

Mã số thuế: 0201878468

Email: jame@timextraseco.com

Website: <https://timextraseco.com/199>

Giám đốc công ty: Lê Đức Thiệu

Hoạt động trong lĩnh vực: Dịch vụ vận tải đường biển, dịch vụ vận chuyển hàng hóa biên giới, dịch vụ hải quan.

b) Lịch sử hình thành và phát triển

Trong bối cảnh tình hình kinh doanh thuận lợi và thương mại quốc tế phát triển, nhu cầu vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và nội địa ở Việt Nam trong những năm trở lại đây ngày một gia tăng để có thể tham gia vào thị trường trong nước cũng như quốc tế ngày 31/05/2018 Công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK Timex trụ sở chính tại Hải Phòng, có văn phòng ở Huế, Hồ Chí Minh, Quảng Trị và Lào. Công ty thành lập bởi ông Lê Đức Thiệu với mong muốn cung cấp các dịch vụ chuyên sâu về lĩnh vực logistics như: Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ phạm vi cả nước và quốc tế, vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, đường hàng không, các dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, hải quan, ủy thác xuất nhập khẩu,...

Qua quá trình phát triển đầy khó khăn và thử thách, nhưng cũng rất mạnh mẽ và quyết đoán, công ty đã xây dựng nên một mạng lưới không ngừng lớn mạnh và thể hiện rõ vị thế trong ngành vận tải biển, trở thành một công ty dịch vụ phủ sóng cả trong nước lẫn ngoài nước.

Tính đến nay tuy công ty mới thành lập được 8 năm nhưng nhờ sự uy tín, chất lượng dịch vụ xuất sắc công ty đã thiết lập những mối quan hệ mật thiết với các hãng tàu và các đối tác trong ngành logistics.

Với đội ngũ gần 50 nhân viên chuyên nghiệp, dưới sự hướng dẫn tận tình của ban lãnh đạo công ty và luôn cải cách trong công cuộc đào tạo nhân viên nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng xử lý nhanh chóng, giải quyết chính xác các vấn đề liên quan đến hải quan, tranh chấp và thương mại. Hầu hết các nhân viên trong công ty đều là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực, một số vị trí đã đạt được bằng cấp khen thưởng cao.

Với phương châm " Khách hàng là sự ưu tiên trên hàng đầu" thì thời gian vừa qua công ty đã có cho mình một vị trí nhất định trong lòng đối tác, đó là sự uy tín, là lựa chọn ưu tiên của khách hàng trong và ngoài nước. Công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK Timex đã và đang cung cấp tới khách hàng những sản phẩm cũng như dịch vụ chất lượng nhất có thể. Bằng tất cả sự tự tin không chỉ cung cấp những dịch vụ tốt, ngoài ra công ty còn đưa ra những giải pháp hiệu quả về chi phí, thời gian vận chuyển tốt nhất, nhanh nhất, tối ưu nhất tới khách hàng.



Hình 2. 2. Văn phòng công ty tại Hải Phòng

(Nguồn: Sinh viên chụp tại văn phòng)

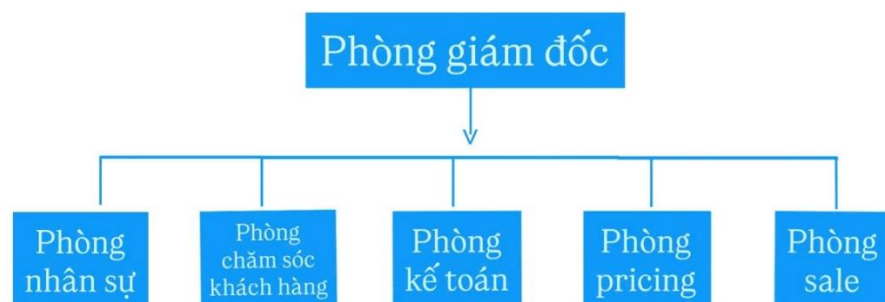


Hình 2. 3. Văn phòng làm việc của nhân viên công ty tại Hải Phòng

(Nguồn: Sinh viên chụp tại văn phòng)

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

* Cơ cấu tổ chức



Hình 2. 4. Cơ cấu tổ chức của công ty

(Nguồn: Sinh viên tổng hợp từ thực tế)

*** Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban**

a) Phòng giám đốc

- Người giữ vai trò lãnh đạo cao nhất trong công ty, chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động của công ty để đảm bảo doanh nghiệp đạt được mục tiêu đề ra.

- Đề ra tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu dài hạn, xây dựng chiến lược để đưa công ty phát triển bền vững.

- Chỉ đạo và giám sát các công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

- Phê duyệt ngân sách, kiểm soát chi phí, theo dõi doanh thu – lợi nhuận.

- Trực tiếp ký kết các hợp đồng kinh tế với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước.

- Quyết định việc chuyển nhượng, mua bán các loại tài sản cố định.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự, phê duyệt các kế hoạch của trưởng phòng, và đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên trong công ty.

- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty.

- Đề ra các quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong công ty.

b) Phòng nhân sự

- Bộ phận HR đóng vai trò cốt lõi trong việc xây dựng và duy trì đội ngũ nhân sự chất lượng, đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả và phát triển.

- Tương tác, hỗ trợ các phòng ban tác khi họ gặp khó khăn tổng vấn đề nhân sự.

- Tổ chức đào tạo và nâng cao phát triển kỹ năng, kiến thức cho nhân sự.

- Xây dựng và cải thiện chính sách phúc lợi cho nhân viên đồng thời tổ chức các hoạt động gắn kết nội bộ.

- Tìm kiếm, sàng lọc và tuyển dụng những ứng viên phù hợp, góp phần xây dựng đội ngũ nhân viên chất lượng cho công ty.

c) Phòng chăm sóc khách hàng

- Là cầu nối quan trọng để giúp giữ chân khách hàng, nâng cao trải nghiệm, đồng thời góp phần vào sự bền vững của công ty.

- Làm việc trực tiếp với khách hàng, tiếp nhận, xử lý mọi yêu cầu, thắc mắc, khiếu nại của khách hàng một cách hiệu quả, nhanh chóng và kịp thời để đảm bảo sự hài lòng đối ta.

- Cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm, dịch vụ.

- Chủ động liên hệ, gặp gỡ khách hàng, gửi lời cảm ơn, lời chúc mừng sinh nhật, tạo ra những trải nghiệm, ưu đãi cá nhân hóa cho khách hàng, đồng thời triển khai các chương trình chăm sóc định kỳ, hậu mãi đối với khách hàng thân thiết.

- Thường xuyên tiến hành khảo sát để thu nhập ý kiến, đánh giá, phản hồi từ khách hàng.

- Tư vấn khách hàng lựa chọn sản phẩm phù hợp, giới thiệu chương trình khuyến mãi để thúc đẩy doanh số.

- Phối hợp với các bộ phận khác trong doanh nghiệp để hỗ trợ hoàn tất quy trình mua hàng, thanh toán, giao nhận.

d) Phòng kế toán

- Chịu trách nhiệm quản lý tài chính, theo dõi dòng tiền, kiểm soát các khoản thu và chi của công ty.

- Ghi chép sổ sách kế toán, danh sách công nợ của khách.

- Kiểm tra hóa đơn, kê khai thuế.

- Báo cáo cho Giám Đốc tài chính hàng tháng, quý, năm, tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình công nợ cuối tháng và kế hoạch truy thu công nợ.

- Làm bảng lương, thưởng, phụ cấp cho nhân viên.

- Đưa ra cảnh báo rủi ro tài chính hoặc đề xuất cải thiện hiệu quả sử dụng vốn.

- Đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật về tài chính, thuế, hóa đơn, chứng từ.

- Lưu lại dữ liệu lịch sử các lô hàng.

- Kết hợp và hỗ trợ tài chính cho các phòng ban khác cho việc thanh toán các chi phí dịch vụ, cước phí vận chuyển,...

e) Phòng Pricing (hay gọi là phòng định giá)

- Là bộ phận chuyên trách trong việc xây dựng, quản lý và tối ưu chiến lược giá cho sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp.

- Thương lượng, làm việc với các hãng tàu, đại lý để xây dựng, cập nhật bảng giá cước và dịch vụ tốt nhất lên hệ thống dữ liệu chung của công ty.

- Xây dựng bảng giá theo từng phân khúc khách hàng, thị trường, sản phẩm.

- Theo dõi tình hình biến động thị trường trong và ngoài nước, xu hướng tiêu dùng để có thể điều chỉnh giá linh hoạt.

- Phối hợp với phòng kế toán để xác định chi phí đầu vào từ đó đưa ra mức giá tối ưu.

- Kiểm soát các chương trình giảm giá, chiết khấu đảm bảo không ảnh hưởng đến lợi nhuận chung công ty.

- Theo dõi hiệu quả sau khi điều chỉnh để giá cước phù hợp với thị trường.
- f) Phòng sale (hay còn gọi là phòng kinh doanh)
 - Là bộ phận trực tiếp tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp.
 - Có nhiệm vụ tìm kiếm, xây dựng mối quan hệ khách hàng tiềm năng nhằm giới thiệu, quảng bá các dịch vụ logistics của công ty đến doanh nghiệp có nhu cầu vận chuyển hàng hóa.
 - Khai thác và nghiên cứu tình hình thị trường, nắm bắt nhu cầu khách hàng trong từng thời điểm, giai đoạn.
 - Chào bán cước biển, cước hàng air và các dịch vụ của công ty theo nhu cầu khách hàng như trucking nội địa, trucking đầu tư nước ngoài, làm thủ tục hải quan, xin các loại giấy phép như C/O, giấy chứng nhận chất lượng,...
 - Tiếp nhận các thông tin về lô hàng, chứng từ phía khách hàng và chuyển cho bộ phận chứng từ, báo cáo kế hoạch xuất/nhập hàng cho team Ops bố trí, sắp xếp nhân lực và phương tiện xử lý hàng hóa.

2.1.3. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

2.1.3.1. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển và đường hàng không

Nhu cầu ngày càng cao, khách hàng cần vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường biển, đường hàng không ngày càng nhiều. Với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, công nghệ tiên tiến không ngừng cập nhật Timex có thể vận chuyển hàng hóa đến người nhận một cách tối ưu nhất về chi phí và thời gian thông qua dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển và đường hàng không. Khách hàng có nhu cầu gửi hàng lẻ, hàng số lượng lớn theo yêu cầu mà không lo lắng về vấn đề thất thoát, hư hỏng hàng hóa. Khách hàng hoàn toàn tin tưởng vào chất lượng cao của các giải pháp hiệu quả và giá cả cạnh tranh tại bất kì cảng nào. Nhờ đi đầu trong cách mạng chuyển đổi số, Timex hứa hẹn đem lại giá trị phục vụ tốt nhất cho khách hàng, đảm bảo tất cả các lô hàng được vận chuyển đúng thời gian và theo tiến độ thỏa thuận. Cam kết an toàn và bảo mật tuyệt đối, hàng hóa đến nơi đích trong tình trạng tốt nhất.

2.1.3.2. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ

Vận tải đường bộ luôn tạo lợi thế nhờ sự linh hoạt, vận chuyển door to door, hàng hóa xuất nhập khẩu được chuyên chở bằng xe container (hàng FCL) hay xe tải thùng (hàng LCL). Timex có mối quan hệ tốt với nhiều nhà vận tải đường bộ nên hệ thống đầu xe tương đối lớn là điều dễ hiểu, nhằm phục vụ nhu cầu vận chuyển từ kho ra bãi, cảng một cách nhanh chóng. Đây cũng là nền tảng giúp công ty thúc đẩy phát triển dịch vụ giao hàng.

2.1.3.3. Dịch vụ hải quan

Mỗi quốc gia đều có quy định riêng về thông quan hàng hóa mà không phải ai cũng nắm rõ. Với bề dày kinh nghiệm, Timex đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng về dịch vụ khai báo hải quan và làm thủ tục hải quan giúp hàng hóa được thông quan thuận lợi nhất, lô hàng được giao đúng thời hạn. Khai báo hải quan trên hệ thống VNACCS sẽ được thực hiện trực tiếp bởi nhân viên Timex nhằm mục đích đưa dữ liệu lô hàng xuất/ nhập để hải quan kiểm tra trên hệ thống. Với kinh nghiệm trong những năm hoạt động qua công ty đã đào tạo đội ngũ nhân viên của mình lịch sự, thân thiện, với tiêu chí " vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi" có thể giải đáp được những thắc mắc mà khách hàng đề ra.

2.1.3.4. Dịch vụ cho thuê kho bãi

Với sự phát triển của ngành Thương mại điện tử, nhu cầu về dịch vụ kho bãi và phân phối cũng tăng mạnh. Trong những năm qua công ty không ngừng nâng cấp, cải tiến công nghệ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về dịch vụ kho bãi và phân phối, đảm bảo sự an toàn và bảo mật cho sản phẩm của khách hàng. Với hệ thống kho bãi được đầu tư rộng rãi, hiện đại, Timex cam kết cung cấp dịch vụ thuận lợi nhất cho tất cả các loại hàng hóa trong chuỗi logistics của quý khách, đảm nhiệm việc quản lý hàng hóa ký gửi trong kho, vận chuyển hàng hóa một cách nhanh nhất cho khách hàng. Đội ngũ nhân lực tại kho được đào tạo bài bản, nắm chắc các quy trình khai thác, được trang bị thiết bị bảo hộ an toàn giúp sắp xếp hàng hóa một cách nhanh chóng, hiệu quả.

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2022 – 2024

Bảng 2. 1 Bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Doanh thu thuần	85,000	98,500	112,000
Tổng chi phí	79,550	91,800	103,840
— Giá vốn dịch vụ (Vận tải, kho bãi...)	73,100	84,500	95,700

— Chi phí quản lý & bán hàng	6,450	7,300	8,140
Lợi nhuận sau thuế	4,360	5,360	6,528

(Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK Timex)

Từ bảng trên, ta có thể thấy các chỉ tiêu có sự biến động rõ rệt

***Năm 2023 so với năm 2022:**

- Doanh thu thuần tăng hơn 13 tỷ đồng tương đương khoảng 15,88%
- Chi phí tăng hơn 12 tỷ đồng tương đương khoảng 15,40%
- Lợi nhuận sau thuế tăng 1 tỷ đồng tương đương khoảng 22,94%

***Năm 2024 so với năm 2023:**

- Doanh thu thuần tăng 13 tỷ đồng tương đương khoảng 13,71%
- Chi phí tăng 12 tỷ đồng tương đương khoảng 13,12%
- Lợi nhuận sau thuế tăng 1.168 tỷ đồng tương đương khoảng 21,79%

Nhìn chung doanh thu trong suốt giai đoạn từ năm 2022 đến 2024, tổng doanh thu của công ty đã liên tục tăng và có sự chuyển biến tích cực. Điều này cho thấy sự phát triển rõ rệt, hoạt động kinh doanh ngày càng ổn định hơn so với các công ty đối thủ. Để có được những thành tựu đó, từ phía công ty đã triển khai hiệu quả các chính sách, đưa ra những chiến lược linh hoạt để ứng phó kịp thời ở thời điểm những năm 2022 kinh tế đang bị suy thoái do hậu Covid 19 nhưng công ty vẫn duy trì và giữ vững phong độ, thúc đẩy phát triển quan hệ với các khách hàng thân thiết. Giai đoạn 2023-2024 đã tăng trưởng tiếp tục được duy trì ổn định ở mức **13,71%**. Dù có phần chậm lại một chút so với năm trước, nhưng đây vẫn là một tỷ lệ tăng trưởng cao và bền vững trong bối cảnh thị trường logistics có nhiều biến động. Với sự phát triển tích cực và xác nhận sự khôi phục của thị trường. Việc tốc độ tăng chi phí luôn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu thuần chứng tỏ doanh nghiệp đang tối ưu hóa tương đối tốt các chi phí vận hành, đặc biệt là việc kiểm soát giá vốn dịch vụ (xăng dầu, kho bãi, nhân công) và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Thực trạng quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại Công ty Timex

2.2.1. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ giao nhận hàng FCL nhập khẩu

Timex có một lợi thế cạnh tranh lớn so với các công ty forwarder thuần thương mại (môi giới), tạo tiền đề vững chắc để tối ưu hóa quy trình làm hàng nguyên container (FCL):

- **Hệ thống kho bãi riêng tại vị trí chiến lược:** Kho bãi của Timex gần các cụm cảng lớn tại Hải Phòng đóng vai trò là Trạm giao dịch trung chuyển. Đối với hàng FCL nhập khẩu, khi chủ hàng (khách hàng) chưa thể tiếp nhận toàn bộ container tại nhà máy do kho của họ bị quá tải, kho bãi riêng của Timex là nơi lưu giữ container an toàn, giúp khách hàng tối ưu hóa chi phí và chủ động thời gian.

- **Sở hữu hệ thống vỏ container riêng:** Việc sở hữu vỏ container riêng giúp Timex chủ động trong các dịch vụ hoán đổi container, đóng rút hàng hóa hoặc cho khách hàng thuê lưu kho/lưu bãi (DEM/DET) với chi phí cạnh tranh hơn rất nhiều so với việc phụ thuộc hoàn toàn vào các hãng tàu ngoại.

- **Đội xe tải nhỏ cơ động:** Mặc dù hàng FCL (nguyên container) thường được vận chuyển bằng xe đầu kéo (xe container lớn), nhưng đội xe tải nhỏ của Timex lại là mắt xích giải quyết bài toán "giao hàng chặng cuối" (Last-mile delivery) rất tinh gọn. Đối với những lô hàng FCL nhập khẩu cần **rút hàng tại kho cảng/kho Timex để phân phối** lẻ về các đại lý, hoặc giao vào các tuyến phố, khu công nghiệp cấm xe tải lớn, đội xe tải nhỏ này chính là công cụ tối ưu hóa chuỗi giao nhận trọn gói (Door-to-Door).

2.2.2. Đặc điểm hàng hóa nhập khẩu nguyên Container tại công ty Timex

Hoạt động nhập khẩu hàng hóa nguyên container (FCL – Full Container Load) bằng đường biển là một trong những mảng dịch vụ cốt lõi, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng và doanh thu logistics quốc tế của Công ty Timex nhằm tối ưu hóa chi phí vận chuyển, quy trình giao nhận. Nhìn chung, hàng hóa nhập khẩu FCL bằng đường biển tại công ty Timex sở hữu những đặc điểm nổi bật sau:

- **Chủng loại hàng hóa đa dạng, phong phú có tính phức tạp để phục vụ cho các ngành nghề đa dạng và cả tiêu dung khác nhau:**
 - Máy móc, thiết bị công nghiệp và linh kiện điện tử
 - Nguyên vật liệu sản xuất, hóa chất, phụ gia
 - Hàng tiêu dùng, nội thất và hàng gia dụng

Với sự đa dạng về chủng loại hàng hóa của công ty Timex thì việc đòi hỏi yêu cầu khá cao về kiến thức và chuyên môn, quy cách bảo quản đóng gói, vận chuyển

cũng như các quy định quản lý chuyên ngành riêng đối với từng loại mặt hàng. Ví dụ như mặt hàng máy móc, thiết bị công nghệ linh kiện điện tử thì yêu cầu về chống ẩm, chống va đập và quy trình xếp dỡ cẩn trọng. Về mặt hàng nguyên vật liệu sản xuất, hóa chất, phụ gia: Đòi hỏi nhân viên có sự am hiểu về các quy định an toàn hóa chất, MSDS (Material Safety Data Sheet- Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất) và kiểm tra chuyên ngành. Hàng tiêu dùng, nội thất và hàng gia dụng: Đa dạng về mẫu mã, mã HS (HS Code) phức tạp, đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tính tập trung cao khi khai báo hải quan.

- Khối lượng hàng hóa lớn và có tính ổn định

Do đặc thù của hình thức vận chuyển nguyên container (FCL) và đối tượng khách hàng của Timex chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất lớn, các nhà máy, các đơn vị thương mại có nhu cầu nhập khẩu thường xuyên. Vì vậy, hàng hóa thường đi theo lô lớn (với các loại container tiêu chuẩn như 20'DC, 40'DC, 40'HC). Sự ổn định về nguồn hàng này và đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng giàu kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn đã giúp Timex dễ dàng làm việc với các hãng tàu để thương lượng giá cước (freight rate) tốt và đảm bảo lượng space (chỗ trên tàu) ổn định ngay cả trong mùa cao điểm.

- Tuyến đường vận chuyển quốc tế trải rộng

Hàng hóa nhập khẩu FCL qua dịch vụ của Timex chủ yếu xuất phát từ các thị trường giao thương trọng điểm của Việt Nam:

**Khu vực Châu Á:* Trung Quốc (các cảng lớn như Thượng Hải, Thâm Quyển, Ninh Ba), Hàn Quốc (Busan), Nhật Bản (Tokyo, Yokohama) và các nước Đông Nam Á.

**Khu vực Âu Mỹ:* Hoa Kỳ và các quốc gia thuộc liên minh Châu Âu (EU). Hàng hóa sau đó được cập về các hệ thống cảng biển lớn tại Việt Nam như cụm cảng Hải Phòng (khu vực phía Bắc), cảng Cát Lái, cụm cảng Cái Mép – Thị Vải (khu vực phía Nam). Việc khai thác nhiều tuyến vận chuyển giúp công ty đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao về năng lực phối hợp logistics quốc tế.

- Yêu cầu nghiêm ngặt chứng từ và thủ tục hải quan

Do tính chất nhập khẩu chính ngạch với số lượng lớn, mỗi lô hàng FCL đều đi kèm bộ chứng từ thương mại và vận tải rất phức tạp. Nhân viên giao nhận của Timex phải xử lý chặt chẽ các loại giấy tờ bao gồm:

- Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract)
- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)
- Phiếu đóng gói (Packing List)
- Vận đơn đường biển (Bill of Lading - B/L)
- Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)
- Các chứng từ kiểm tra chuyên ngành (kiểm dịch, kiểm tra chất lượng) nếu có
 - Chịu áp lực về thời gian giao nhận chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố bên ngoài

Đặc điểm của hàng FCL tại công ty luôn đặt ra bài toán tối ưu về mặt thời gian và tiến độ điều xe kéo container (vận tải trucking) nội địa. Do đó Hoạt động giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển phụ thuộc nhiều vào: Lịch trình tàu, tình trạng ứ tắc cảng, điều kiện thời tiết, chính sách hải quan, tiến độ xử lý chứng từ của các bên liên quan. Do đó, công ty cần duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa khách hàng, hãng tàu, cảng biển và cơ quan hải quan để đảm bảo tiến độ giao hàng.

- Chi phí giao nhận có nhiều biến động

Hàng nguyên container chịu sự quản lý nghiêm ngặt của hãng tàu và cảng về thời hạn lưu bãi, lưu container (FREE DEM/DET). Nếu quy trình giao nhận, thông quan hải quan xảy ra sai sót hoặc chậm trễ, doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với chi phí phạt lưu kho bãi rất cao. Chi phí nhập khẩu nguyên container bao gồm nhiều khoản như: Cước vận tải biển; Phí THC; Phí D/O; Phí lưu container, lưu bãi; Chi phí vận chuyển nội địa; Chi phí hải quan và kiểm hóa.

Các khoản phí này thường xuyên thay đổi theo thị trường vận tải biển quốc tế và tùy thuộc vào các chính sách của hãng tàu, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của công ty cũng như chi phí của khách hàng.

Nhìn chung, hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển tại Công ty Timex có đặc điểm đa dạng về chủng loại, khối lượng lớn và yêu cầu nghiệp vụ cao trong quá trình giao nhận. Những đặc điểm này vừa tạo cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh, vừa đặt ra yêu cầu đối với công ty trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực xử lý chứng từ và khả năng phối hợp logistics quốc tế.

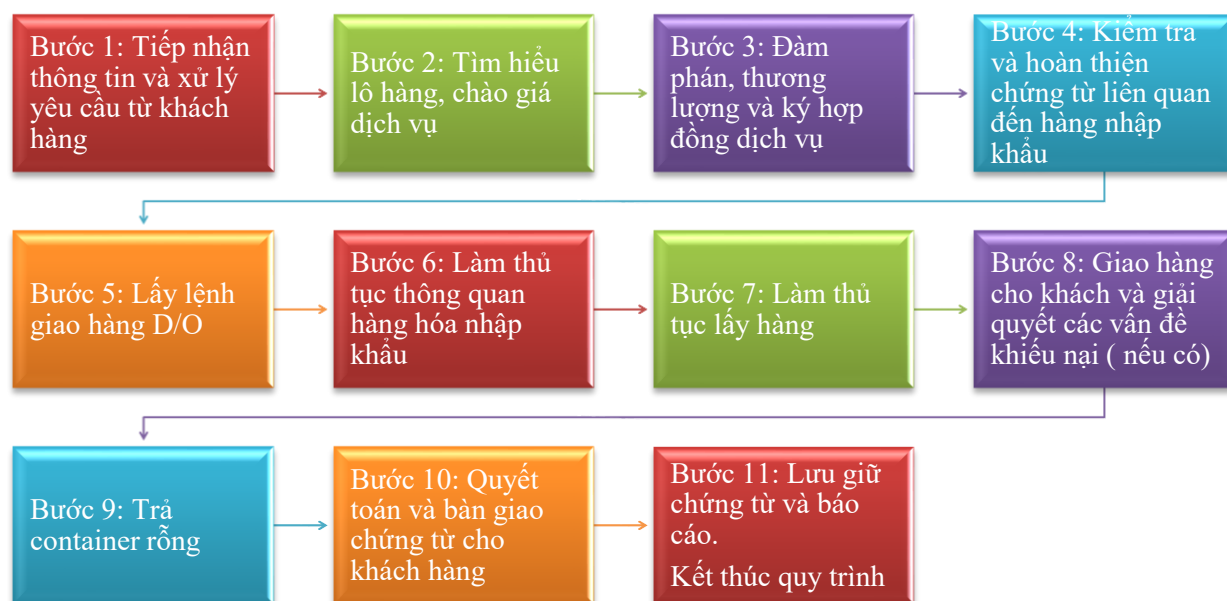
Nhân xét chung: Qua những đặc điểm hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex có thể thấy hoạt động giao nhận của công ty tương đối phát triển và có tính ổn định. Vừa là lợi thế giúp Công ty Timex khẳng định năng lực logistics quy mô lớn, nhưng đồng thời cũng là thách thức đòi hỏi đội ngũ nhân viên giao nhận phải có nghiệp vụ vững vàng, khả năng xử lý tình huống linh hoạt và quy trình phối hợp nhịp nhàng giữa các bên (Hãng tàu - Hải quan - Cảng - Khách hàng). Công ty đã xây dựng được mạng lưới khách hàng và tuyến vận chuyển khá đa dạng, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu của nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau. Việc tập trung vào hình thức nhập khẩu nguyên container giúp tối ưu chi phí vận tải, nâng cao hiệu quả khai thác và hạn chế rủi ro đối với hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động giao nhận của công ty vẫn chịu tác động lớn từ các yếu tố bên ngoài như biến động cước tàu biển, tình trạng ùn tắc cảng, thay đổi chính sách hải quan và yêu cầu kiểm tra chuyên ngành. Ngoài ra, tính đa dạng của hàng hóa nhập khẩu vừa là lợi thế giúp Công ty Timex khẳng định năng lực logistics quy mô lớn, nhưng đồng thời cũng là thách thức đòi hỏi đội ngũ nhân viên giao nhận phải có nghiệp vụ vững vàng, khả năng xử lý tình huống linh hoạt và quy trình phối hợp nhịp nhàng giữa các bên (Hãng tàu - Hải quan - Cảng - Khách hàng).

Như vậy, Công ty Timex đã có nhiều lợi thế trong hoạt động giao nhận hàng nhập khẩu nguyên container bằng đường biển. Tuy nhiên, để nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ, công ty cần tiếp tục hoàn thiện quy trình giao nhận, nâng cao trình độ nhân sự, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường quản lý chi phí trong hoạt động logistics.

2.2.3. Quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu thực tế tại công ty Timex

****Sơ đồ quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu tại công ty Timex***



Hình 2. 5. Sơ đồ quy trình tổng quát giao nhận hàng nguyên container nhập khẩu bằng đường biển của Công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK TIMEX

(Nguồn: Dữ liệu công ty và sinh viên tự tổng hợp)

Nhìn chung, quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển trên thực tế khá giống với lý thuyết. Nếu như ở lý thuyết thì quy trình này gồm có 5 bước lớn: Tiếp nhận yêu cầu từ khách hàng; Chuẩn bị để nhận hàng; Tổ chức dỡ và nhận hàng từ người vận tải; Giải quyết khiếu nại; Quyết toán thì ở thực tế chúng ta có 11 bước như trên. Tuy gồm 11 bước nhưng thực chất chính là những bước nhỏ trong 05 bước lớn ở lý thuyết, điều đó giúp chúng ta có thể hiểu rõ hơn, chính xác hơn về quy trình giao nhận hàng nhập khẩu nguyên container bằng đường biển.

***Diễn giải quy trình**

*** Bước 1: Tiếp nhận thông tin và xử lý yêu cầu từ khách hàng**

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xuất nhập khẩu Timex là công ty dịch vụ chuyên hoạt động về lĩnh vực xuất nhập khẩu, phục vụ cho rất nhiều doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ về quy trình xuất nhập khẩu hàng hóa. Một công việc quan trọng của phòng kinh doanh là tìm kiếm khách hàng, các doanh nghiệp nhập khẩu có nhu cầu thuê dịch vụ để hoàn thành thủ tục nhập hàng hóa.

Nhân viên sales của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xuất nhập khẩu Timex tiếp nhận các yêu cầu vận chuyển hàng hóa chứa các thông tin bao gồm:

- + Tên hàng, loại hàng
- + Khối lượng hàng (Số cân, số kiện, số khối, loại kiện)

+ Port of Loading, port of Discharge + Điều kiện INCOTERMS (FOB, EXW, FCA, CIF,...)

+ Địa chỉ pick up hàng nếu theo điều kiện EXW

Công ty sẽ liên hệ đại lý kiểm tra giá cước, dịch vụ,...có thể kiểm tra cước từ hãng tàu. Sau đó tính toán bảng giá dịch vụ để gửi cho khách hàng/đại lý.

* Bước 2: Tìm hiểu lô hàng và chào giá dịch vụ

Sau khi tìm được khách hàng, nhân viên Sales sẽ tính toán bảng giá dịch vụ cho chủ hàng, bảng báo giá bao gồm các điều khoản: Tên hàng, đơn giá (giá cho hàng nguyên container, container 20 feet & 40 feet). Giá sẽ tùy thuộc vào cảng đến, cảng đi, nếu gần thì phí dịch vụ thấp và ngược lại.

Giá chào hàng bao gồm: phí chuẩn bị hồ sơ Hải quan, thực hiện các thủ tục Hải quan để nhập hàng, phí vận chuyển từ cảng về kho, phí nâng hạ tại cảng.

Giá này chưa bao gồm: Lệ phí hải quan, phí D/O, phí THC (Terminal Handling charge), phí lưu container, phí vệ sinh container.

Khi nhận được sự đồng ý, chấp thuận từ phía khách hàng, sẽ tiến hành hợp đồng vận chuyển.

* Bước 3: Đàm phán, thương lượng và ký kết hợp đồng

Qua quá trình trao đổi, gặp gỡ đã xác định được khách hàng phù hợp và có nhu cầu muốn thuê dịch vụ. Với những kiến thức chuyên môn, am hiểu những dịch vụ hiện có của công ty, khéo léo trong giao tiếp và cách thuyết phục để có thể tư vấn một cách rõ hơn cho khách hàng biết về các lợi ích mà họ sẽ nhận được đối với một lô hàng cụ thể. Sau đó, nhân viên sẽ đưa cho khách hàng bảng báo giá chung cho các loại dịch vụ mà công ty cung cấp, bảng giá đơn và bảng giá với các dịch vụ gộp. Khách hàng có thể tự tham khảo và sau đó trình bày sơ lược, cụ thể chi tiết từng đơn giá để khách hàng nắm được với mức phí đó

Trong quá trình đàm phán về giá và các yêu cầu liên quan, phía khách hàng có thể "trả giá" hoặc có thêm các yêu cầu quyền lợi khác, trên cơ sở đánh giá về mức độ tiềm năng của khách hàng, và so sánh với mặt bằng chung các công ty giao nhận khác.

Về hợp đồng giao nhận, hợp đồng luôn cần nêu rõ trách nhiệm của cả hai bên, quy định rõ về điều khoản, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán để tránh đôi bên có những sự cố xảy ra ngoài ý muốn về sau. Một hợp đồng có giá trị pháp lý khi có con dấu đỏ và chữ ký của người đại diện pháp luật hai bên. Một số điều khoản chủ yếu trong hợp đồng giao nhận là:

- Các bên tham gia ký kết hợp đồng : Bên A (tên, trụ sở chính, điện thoại, fax, tên và chức vụ đại diện của khách hàng) và bên B (...)

- Công việc mà bên A ủy quyền cho bên B thực hiện

- Mức phí dịch vụ giao nhận

- Thời hạn và phương thức thanh toán

* Bước 4: Kiểm tra và hoàn thiện chứng từ liên quan đến hàng nhập khẩu

Kiểm tra, rà soát xác minh chữ ký, dấu mộc và tuân thủ quy định pháp hải quan để tránh những sai sót và chậm trễ trong quá trình thông quan. Bộ chứng từ giao nhận hàng nhập mà Công ty nhận gồm có:

- Hợp đồng mua bán (Sales Contract): (01) bản gốc

- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice): (01) bản gốc

- Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List): (01) bản gốc

- Vận đơn đường biển (Bill of Lading): (01) bản gốc

- Giấy thông báo hàng đến (Arrival Notice): (01) bản gốc

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): (01) bản gốc

Để chắc chắn và giảm thiểu những rủi ro không đáng có, phía bên Công ty sẽ lưu bộ chứng từ của khách hàng thành nhiều bản sao để đề phòng không may bị mất.

* Bước 5: Lấy lệnh giao hàng D/O

Lấy lệnh giao hàng D/O bản giấy

Là chứng từ mà hãng tàu hoặc công ty vận chuyên vận chuyển phát hành. Nó được dùng để yêu cầu đơn vị lưu hàng ở kho hoặc cảng chứa hàng cho chủ hàng. Doanh nghiệp muốn có được lệnh giao hàng thì phải chuẩn bị đầy đủ bộ hồ sơ sau và đưa đến cho hãng vận chuyên.

- Bản sao CMND/CCCD

- Bản sao vận đơn

- Bản gốc vận đơn đã được giám đốc công ty đóng dấu xác nhận

- Tiền phí

Thanh toán phí D/O và các phí liên quan:

Các khoản phí có thể gồm:

- Phí D/O (Delivery Order fee)

- Phí chứng từ (Documentation fee)

- Phí vệ sinh container (Cleaning fee)

- Phí THC (Terminal Handling Charge)... tùy theo chính sách của từng hãng tàu.

Nhận D/O:

- Sau khi hoàn tất thanh toán và nộp đủ hồ sơ, hãng tàu/đại lý sẽ cấp D/O.

Lấy lệnh D/O bằng điện tử (eD/O)

- Là Electronic Delivery Order, nghĩa là **Lệnh giao hàng điện tử**. Là chứng từ điện tử (thường là tệp PDF) do hãng tàu phát hành và gửi qua email, thay thế cho lệnh giao hàng giấy (D/O) truyền thống.

- Kiểm tra B/L: Nhân viên kiểm tra thông báo hàng đến. Nếu là vận đơn gốc thì mang đến hãng tàu nộp, nếu là vận đơn điện tử (Seaway Bill) thì hãng tàu duyệt thẳng trên hệ thống.

- Thanh toán chi phí tại cảng (Local Charges) trực tuyến: Nhân viên kế toán chuyển khoản tiền phí cảng (*Local charges*) cho hãng tàu trực tuyến theo đúng cú pháp bao gồm (*Số vận đơn + Số container + Mã số thuế Timex*)

- Nhận và nhập mã eD/O từ hãng tàu: Hãng tàu xác nhận tiền và gửi tệp eD/O về email của Timex, trong đó có *Mã bảo mật nhận container (Secure Code)*, đồng thời truyền dữ liệu sang hệ thống cảng.

- Khai báo trên cảng điện tử (ePort) và điều xe: Nhập số vận đơn (B/L), số container và dán (paste) *Mã bảo mật Secure Code* thu được từ eD/O vào hệ thống để cảng đối chiếu tự động với dữ liệu hãng tàu. Điền biển số xe (xe đầu kéo hoặc xe tải nhỏ của Timex) rồi đóng phí nâng hạ online. Hệ thống xuất mã QR, tài xế chỉ cần quét mã tại cổng cảng để nhận container.

* Bước 6: Làm thủ tục thông quan hàng hóa nhập khẩu

a) Lên tờ khai Hải quan



Hình 2. 6. Phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS – VNACCS

(Nguồn: Sinh viên tự thu thập từ thực tế)

Bộ phận khai báo hải quan của công ty căn cứ vào: Tờ khai hải quan, hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại, Packing List, Chứng nhận xuất xứ, Bill of Lading, D/O thực hiện mở tờ khai hải quan điện tử một cách đầy đủ, chính xác theo quy định hiện hành. Bộ phận này sẽ truyền tờ khai lên hệ thống hải quan bằng phần mềm ECUSS-VNACCS theo quy định Tổng Cục Hải Quan hiện hành. Khách hàng giao chữ ký số cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ XNK Timex, nhân viên công ty sẽ thực hiện khai báo Hải quan ngay trên máy tính của công ty.

b) Làm thủ tục khai báo Hải quan

Khi đã có lệnh giao hàng và hoàn tất khai hải quan điện tử, nhân viên giao nhận sẽ đến Hải quan để làm thủ tục thông quan cho lô hàng. Thông thường nhân viên giao nhận sẽ mang bộ hồ sơ đầy đủ đến Cảng để làm thủ tục thông quan cho lô hàng nhập khẩu. Tùy vào kết quả phân luồng tờ khai trả về khi khai báo hải quan mà các thủ tục làm thông quan hàng nhập khẩu như sau: Đối với lô hàng thuộc luồng màu xanh sẽ được miễn kiểm tra hồ sơ & thực tế chỉ nộp thuế và thông quan. Trong trường hợp lô hàng thuộc luồng màu vàng Hải quan kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra chi tiết hàng, trong đó hồ sơ giấy sẽ bao gồm:

- Invoice (bản chính)
- Packing list (bản chính)
- Vận đơn đường biển – B/L (bản sao)
- Tờ khai hải quan nhập khẩu
- C/O (nếu cần)
- Giấy chứng nhận chất lượng (nếu cần)

Đối với trường hợp lô hàng thuộc luồng màu đỏ, bộ phận Hải quan tiến hành kiểm tra hồ sơ cũng như kiểm hóa thực tế hàng hóa. Sau đó nhân viên làm việc sẽ thông báo cho khách hàng nộp các loại thuế nhập khẩu, thuế GTGT, thuế tiêu thụ môi trường (đối với một vài đơn hàng đặc biệt). Nộp thuế qua các hình thức: Internet Banking, ủy nhiệm chi ngân hàng hoặc trên cổng thanh toán hải quan (<https://epayment.customs.gov.vn/>). Khi nhiệm vụ nộp thuế hoàn tất tờ khai sẽ được thông quan, phía công ty sẽ in mã vạch tờ khai "danh sách hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát Hải quan" từ website thuộc Tổng cục Hải quan.

*** Bước 7: Làm thủ tục lấy hàng**

Thủ tục lấy hàng sẽ cần có đối chiếu D/O, đưa D/O ghi số tàu, loại hình tờ khai, tên người nhận, tên hàng, số lượng, trọng lượng cho hải quan giám sát. Nhân viên hải quan sẽ căn cứ vào D/O đối chiếu tên người gửi, người nhận, tên hàng, số lượng, trọng lượng với trên hồ sơ Hải quan để xem hàng đã cập bãi hay chưa. Sau

khi làm thủ tục hải quan xong tại chi cục, cầm bộ tờ khai đó xuống cảng đổi lệnh, hồ sơ bao gồm:

D/O: 03 bản

Giấy cước container: 01 bản gốc

Danh sách hàng hóa được thông quan

Giấy giới thiệu

- Nộp phí nâng hạ, sau khi đổi lệnh xong thì kiểm tra lại số container, chỉ
- Cảng trả lại nhưng giấy tờ:

Lệnh nâng

Hóa đơn nâng hạ (Kiểm tra kỹ thông tin trên hóa đơn: Tên công ty, mã số thuế, địa chỉ,...)

* Bước 8: Giao hàng cho khách và giải quyết vấn đề khiếu nại (nếu có)

Sắp xếp phương tiện vận chuyển container

- Chủ hàng / Forwarder chủ động sắp xếp xe đầu kéo và tài xế để lấy container đã thông quan tại cảng.

- Đăng ký qua hệ thống cảng (ePort) để lấy lệnh giao hàng nội bộ.
- Thanh toán các phí cảng: nâng hạ, lưu bãi (nếu có), phí soi chiếu....

Vận chuyển container về kho cho khách

- Xe container vận chuyển hàng về kho của khách hàng hoặc địa điểm do khách chỉ định.

Quá trình vận chuyển:

- Giám sát tình trạng niêm phong (seal)

Dỡ hàng tại kho khách cần kiểm tra kỹ

- Số lượng

- Tình trạng hàng hóa (vỡ, móp, ướt...)

- Đối chiếu với Invoice/Packing List

- Ghi nhận lại bằng biên bản giao nhận hàng hóa có chữ ký của cả hai bên

Đối với trường hợp có vấn đề phát sinh, khiếu nại từ phía khách hàng về số lượng, chất lượng, hay giao trễ công ty sẽ tiến hành xử lý theo quy trình sau:

- Ghi nhận đầy đủ nội dung:

+ Loại khiếu nại (thiếu hàng, vỡ hàng, sai chủng loại,...)

+ Số lượng cụ thể và có hình ảnh dẫn chứng đi kèm

+ Thời gian, địa điểm khi xảy ra sự cố

- Phân loại và xác minh nguyên nhân:

+ Hàng hỏng, vỡ do vận chuyển nhân viên sẽ ghi nhận và làm việc với bên vận tải, kiểm tra bảo hiểm

+ Thiếu hàng khi dỡ, lập tức kiểm tra seal, tiến hành lập biên bản tại đơn vị kho

+ Hàng do lỗi bên sản xuất, phía công ty sẽ trực tiếp liên hệ người bán phối hợp với các nhà cung cấp của mặt hàng đó để giải quyết

+ Giao hàng chậm so với tiến độ, nhân viên sẽ rà soát lại hợp đồng, kiểm tra và đưa ra lý do tại sao chậm tiến độ phản hồi lại với khách hàng sớm nhất. Đề ra những bồi thường, tổn thất mà khách hàng gặp phải

*** Bước 9: Tiến hành trả container rỗng**

Sau khi giao hàng xong, tài xế sẽ mang trả container rỗng tại bãi/depot được chỉ định trên phiếu hạ rỗng theo đúng hạn. Trong trường hợp quá hạn sẽ bị tính phí lưu container (Demurrage) hoặc lưu bãi (Detention). Trả container phải có giấy xác nhận đã trả cont và xác nhận tình trạng container trên phiếu hạ rỗng. Trong trường hợp Con bị móp, có tình trạng hư hỏng nhân viên tại bãi sẽ tạm thời tính chi phí sửa chữa và thu tiền cước sửa chữa từ phía tài xế. Tài xế sẽ phải giao lại phiếu hạ rỗng cho nhân viên giao nhận.

*** Bước 10: Quyết toán và bàn giao chứng từ cho khách**

Sau khi giao hàng và trả cont rỗng, nhân viên giao nhận sẽ tính toán lại tất cả các chi phí làm hàng của một lô hàng. Nhập các chi phí lên hệ thống ELSA. Sau đó báo lại cho bộ phận kế toán để xuất hóa đơn cho khách hàng, yêu cầu khách thanh toán. Theo đó, nhân viên kế toán bàn giao lại các chứng từ, hóa đơn liên quan cho khách hàng.

**** Thực tế quy trình đã giao nhận một lô hàng các loại tấm sàn nhựa giả gỗ cao cấp nhập khẩu nguyên container bằng đường biển tại công ty thương mại dịch vụ XNK Timex***

a) Thông tin chung về lô hàng nhập

*** Shipper (Người gửi hàng)**

SHANGHAI DUWELL TECHNOLOGY CO., LTD.

Địa chỉ: Building 11, No.55 Zidong Road, Minhang District, Shanghai, China

*** Consignee (Người nhận hàng)**

LIONCORE INDUSTRIES VIETNAM CO., LTD.

Đại chỉ: Lô CN-05, KCN Đông Mai, P. Đông Mai, Quảng Ninh, Việt Nam

*** Thông tin vận chuyển**

Vận đơn chủ (M-B/L):

Người gửi: SHANGHAI DUWELL TECHNOLOGY CO., LTD.

Tel: +86(21)54965258 / Fax: +86(21)54965259

Người nhận: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP LIONCORE VIỆT NAM
(Địa chỉ: Lô CN-05, KCN Đông Mai, P. Đông Mai, Quảng Ninh, Việt Nam)

Mã số thuế: 5702076016

Điện thoại: 096309798

Email: sales5@lioncore-vn.com

Vận đơn phụ (H-B/L): SUC014662

Cảng xếp hàng (POL): Shanghai, China

Cảng dỡ hàng (POD): Cảng dịch vụ Nam Hải (VNDNH/03TGS15)

Nơi nhận hàng cuối (Final Destination): Cảng dịch vụ Nam Hải
(VNDNH/03TGS15)

Tàu/chuyến: PANJA BHUM / 25335

Freight term (Điều kiện cước): Freight Collect (người nhận trả cước)

*** Thông tin lô hàng:**

Số container: SNU235583 / 0616232(20GP), SNBU2308075 /
06131115(20GP)

Hàng hóa: As per bill (như vận đơn)

Trọng lượng (Weight): 25,516.000 kg

Thể tích (CBM): 38.500

Giao hàng theo điều kiện: Surrender B/L

Debit Note Bill: SUC014662

Bảng chi tiết chi phí:

No	ITEM	Qty(SL)	Unit price (USD) Đơn giá	Total Amount (USD)	Tỷ giá bán ra VCB	Total Amount (VND)	VAT	Total (incl VAT) (VND)	Remark (Ghi chú)
1	OCF	2	125.00	250.00	26,530	6,632,500	0%	6,632,500	
2	THC	2	110.00	220.00	26,530	5,836,600	8%	6,303,528	
3	CIC	2	110.00	220.00	26,530	5,836,600	8%	6,303,528	
4	EMF	2	10.00	20.00	26,530	530,600	8%	573,048	
5	CCS	2	10.00	20.00	26,530	530,600	8%	573,048	
6	DOF	1	40.00	40.00	26,530	1,061,200	8%	1,146,096	
Sub Total				770.00		20,428,100		21,531,748	
Grand Total				770.00		20,428,100		21,531,748	

Để thuận tiện cho việc lấy hàng, quý khách vui lòng liên hệ với bộ phận hàng nhập trước khi lấy DO.

To get convenience for receiving cargoes, you are kindly requested to contact our office import department before getting Delivery order:

TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORT CO., LTD
Số 2 đường Đồng Chính, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình 2. 7. Bảng chi tiết chi phí Thông báo hàng đến (Arrival Notice)

(Nguồn: Văn phòng thuộc bộ phận CSKH tại Công ty)

b) Quy trình thực tế vào lô hàng cụ thể

Bước 1: Sale tiếp nhận và xử lý nhu cầu nhập khẩu từ khách hàng (CNEE)

Công ty TNHH Công Nghiệp Lioncore Việt Nam có nhu cầu muốn nhập khẩu lô hàng Cork Underlayment (lót sàn bằng gỗ bần) liên hệ công ty Timex thực hiện dịch vụ giao nhận. Công ty TNHH Công Nghiệp Lioncore Việt Nam gửi mail Booking Request cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xuất nhập khẩu Timex với nội dung như sau:

"Dear Ms. Hằng,

Tôi là Thủy, phụ trách phòng xuất nhập khẩu công ty TNHH Công Nghiệp Lioncore Việt Nam ở Quảng Ninh. Chúng tôi có lô hàng sau cần book dịch vụ nhập khẩu:

Mặt hàng: Cork Underlayment

Số lượng: 79 packages

POL (cảng xếp): cảng Shanghai, China - POD (cảng dỡ): cảng Nam Hải, Việt Nam.

Kính đề nghị quý công ty cung cấp báo giá vận chuyển đường biển và lịch tàu tháng 08/2025

Trân trọng cảm ơn!"

Bộ phận Sale của Công ty Timex check mail, tiếp nhận nhu cầu xuất khẩu từ khách hàng.

Bước 2: Tiếp nhận & Kiểm tra bộ chứng từ nhập khẩu

Để công việc giao nhận được tiến hành nhanh chóng và thuận lợi thì ngay khi nhận được bộ chứng từ, nhân viên giao nhận cần kiểm tra kỹ lưỡng tính chính xác, đồng nhất và hợp lệ mỗi chứng từ, nhằm giải quyết nhanh chóng các thủ tục thông quan cho lô hàng.

Kiểm tra Hóa đơn thương mại thì nhân viên sẽ kiểm tra các chi tiết sau:

- Số và ngày của Hóa đơn: S2025082001; Ngày 20/08/2025

- Tên và địa chỉ bên mua: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP LIONCORE VIỆT NAM (Địa chỉ: Lô CN-05, KCN Đông Mai, P. Đông Mai, Quảng Ninh, Việt Nam)

- Tên và địa chỉ bên bán: SHANGHAI DUWELL TECHNOLOGY CO., LTD (Địa chỉ: Building 11, No.55 Zidong Road, Minhang District, Shanghai, China)

- Mô tả hàng hóa:

+ Tên hàng : Cork Underlayment

+ Khối lượng: 35,833 KGS

- Phương thức thanh toán TT
- Kiểm tra Bản kê chi tiết (Packing List):
- Số và ngày của Hóa đơn trên Packing list: S2025082001; Ngày 20/08/2025
- Mô tả hàng hóa:
- + Tên hàng : Cork Underlayment
- + Khối lượng: 35,833 KGS
- + Thể tích: 104.5 CBM
- Kiểm tra vận đơn đường biển (B/L)
- Số vận đơn: SUC014662
- Shipper: SHANGHAI DUWELL TECHNOLOGY CO., LTD
- Notify: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP LIONCORE VIỆT NAM
(Điện thoại: +8496309798)
- Tên tàu: PANJA BHUM/ Số chuyến : 2533S
- Cảng xếp hàng: SHANGHAI, CHINA
- Cảng dỡ hàng: NAMHAI, VIETNAM
- Tên hàng : Cork Underlayment
- Khối lượng: số cân 35,833 KGS/ số khối: 104.5 CBM / 79 PKGS (đóng 3 container: 2x20GP + 1x40HC)
- Số container/ Số chì:
- + 20GP: SNBU2308075 / 0613115
- + 20GP: SNBU235583 / 0616323
- + 40HC: FCITU7329281 / 424795

Bước 3: Làm thủ tục thông quan hàng hóa

Thông tin tờ khai hải quan nhập khẩu đối với đơn hàng

*** Thông tin chung về tờ khai**

- Số tờ khai: 107484204220
- Ngày đăng ký tờ khai: 28/08/2025 – 16:26:57
- Chi cục hải quan: CKCING01 (Cửa khẩu Cái Lân- Quảng Ninh)
- Loại hình nhập khẩu: E31 (nhập khẩu kinh doanh tiêu dùng)
- Mã phân loại kiểm tra: 4 (kiểm tra chi tiết hồ sơ+hàng hóa)

*** Thông tin doanh nghiệp**

- Người nhập khẩu: Công ty TNHH Công Nghiệp Linocore Việt Nam
- Mã số thuế: 5702076016
- Địa chỉ: Lô CN-05 Khu công nghiệp Đông Mai, phường Đông Mai, Quảng

Yên, Quảng Ninh

- Điện thoại: 0936309798
- Người xuất khẩu: Shanghai Duwell Technology Co., Ltd
- Địa chỉ: Building 11, No.55 Zidong Road, Minhang District, Shanghai, China

- Xuất xứ hàng: Trung Quốc (CN)

*** Thông tin vận chuyển & lô hàng**

- Số vận đơn: 230825UCC14662
- Cảng dỡ hàng: Nam Hải Đình Vũ (VNDHR - Hải Phòng)
- Cảng xếp hàng: Shanghai, China (CNSHA)
- Tàu: PANJA BHUM / 2533S
- Ngày hàng đến: 27/08/2025
- Phương thức vận chuyển: Đường biển
- Số lượng kiện: 20 PK (packages)
- Trọng lượng tổng (Gross): 25.516 KGM
- Số container: 2

*** Thông tin hóa đơn thương mại**

- Số hóa đơn: S2025082001
- Ngày phát hành hóa đơn: 20/08/2025
- Phương thức thanh toán: KC (không chuyển tiền ngay – có thể trả sau)
- Trị giá FOB (USD): 1,516,674.10
- Phí vận chuyển: 6,632.500 VND
- Tổng trị giá tính thuế: 1,516,674.10 USD (FOB) + 57.600 (có thể là phí local)

*** Thông tin thuế**

- Tổng trị giá tính thuế: 26,216 USD (ghi riêng phần dùng cho thuế)
- Thuế NK (Import duty): NK – chưa hiện rõ % trong trang 1 này
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu: (thường 8% hoặc 10%, chưa hiện rõ trên trang này)

- Tổng số dòng hàng: 2

Bước 4: Làm thủ tục lấy hàng

- Đổi lệnh ở cảng:

- + Chuẩn bị hồ sơ gồm các giấy tờ: Thông báo nộp phí cơ sở hạ tầng, Tờ khai hải quan, Mã vạch, Lệnh giao hàng.

- + Nhân viên cầm các chứng từ kê trên đến phòng thương vụ cảng và nộp tiền phí nâng hạ hàng để đổi lệnh.

+ Sau khi đổi lệnh, phòng thương vụ cảng sẽ cấp cho nhân viên hiện trường 1 phiếu EIR.

- Lấy hàng ra khỏi cảng: Nhân viên hiện trường gửi phiếu EIR cho lái xe để vào Cảng Nam Hải lấy hàng. Lái xe xuất trình phiếu EIR tại cổng để nhân viên cổng quét mã QR trên phiếu EIR điện tử kiểm tra thông tin và đảm bảo lệnh đã được duyệt, sau đó cấp cho lái xe Phiếu vị trí container (Position Slip). Lái xe dựa vào thông tin trên phiếu vị trí để đến nơi chứa container. Lái xe trước khi ra khỏi cổng kiểm tra kỹ tình trạng vỏ container, chì... Nếu phát hiện container có lỗi khác so với phiếu EIR, lái xe ghi trực tiếp lên phiếu EIR và liên hệ ngay với Công ty để giải quyết. Đối với lô hàng này, lái xe không phát hiện bất thường. Sau đó, lái xe cho phương tiện nâng hàng lên xe, ra cổng lái xe sẽ nhận được phoi nâng hàng có dấu của cổng cảng.

Bước 5: Giao hàng cho khách và giải quyết khiếu nại (Nếu có)

Lái xe giao hàng cho khách: Sau khi lấy được container hàng ra khỏi cảng, lái xe liên hệ với Công ty TNHH Công Nghiệp Linocore Việt Nam để xác nhận thời gian, địa điểm giao hàng và tiến hành vận chuyển về kho riêng của khách hàng. Tại kho riêng, nhân viên Công ty Linocore kiểm tra số container, số chì, bố trí công nhân rút hàng ra khỏi container và kiểm hàng. Sau khi nhận hàng xong, đại diện công ty Linocore sẽ ký nhận biên bản giao hàng với nội dung đã nhận được đủ container đúng số, đúng số chì và đầy đủ số lượng hàng mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng và tình trạng của container vẫn còn nguyên vẹn sau quá trình vận chuyển tới đích.

Bước 6: Trả container rỗng

- Lái xe trả vỏ cont rỗng về bãi: Theo quy trình, sau khi hoàn tất việc giao hàng cho Công ty Linocore, lái xe kéo vỏ container rỗng về hạ tại bãi do hãng tàu chỉ định. Lái xe mang theo phiếu giao nhận container (EIR) và bản scan EDO để tiến hành hạ vỏ. Tại đây nhân viên cảng sẽ tiến hành kiểm tra tình trạng của vỏ container và xác nhận không phát sinh vấn đề. Sau đó ký xác nhận người trả vỏ với nhân viên tại Cảng và ra tới cổng lái xe sẽ nhận được phoi hạ hàng.

Bước 7: Quyết toán và bàn giao chứng từ cho khách hàng

Sau khi giao hàng và trả cont rỗng, nhân viên giao nhận sẽ tính toán lại tất cả các chi phí làm hàng của một lô hàng. Nhập các chi phí lên hệ thống ELSA. Sau đó báo lại cho bộ phận kế toán để xuất hóa đơn cho khách hàng, yêu cầu khách thanh toán. Theo đó, nhân viên kế toán bàn giao lại các chứng từ, hóa đơn liên quan cho khách hàng.

Bước 8: Lưu trữ chứng từ và báo cáo.

2.2.4. Thực trạng xử lý chứng từ và thủ tục hải quan

Công tác xử lý chứng từ và thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển được thực hiện theo quy trình tương đối chặt chẽ và có sự phối hợp giữa bộ phận chứng từ, bộ phận giao nhận và khách hàng. Đây là một trong những khâu quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thông quan và tiến độ giao hàng.

Sau khi nhận được thông báo hàng đến (Arrival Notice) từ hãng tàu hoặc đại lý, bộ phận chứng từ của công ty tiến hành tiếp nhận bộ hồ sơ nhập khẩu từ khách hàng. Bộ chứng từ thường bao gồm hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), phiếu đóng gói (Packing List), vận đơn đường biển (Bill of Lading), giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và các chứng từ liên quan khác nếu có. Nhân viên chứng từ sẽ kiểm tra tính chính xác và thống nhất của các thông tin trên chứng từ như tên hàng, số lượng, mã HS, điều kiện giao hàng và thông tin doanh nghiệp nhập khẩu trước khi tiến hành khai báo hải quan.

Sau khi hoàn tất kiểm tra chứng từ, nhân viên công ty thực hiện khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS. Tờ khai sau khi truyền sẽ được hệ thống tự động phân luồng xanh, vàng hoặc đỏ tùy theo mức độ kiểm tra của cơ quan hải quan. Đối với các lô hàng luồng xanh, công ty có thể tiến hành thông quan nhanh chóng. Với luồng vàng hoặc luồng đỏ, nhân viên Timex sẽ trực tiếp làm việc với cơ quan hải quan để bổ sung hồ sơ hoặc phối hợp kiểm hóa hàng hóa theo yêu cầu.

Sau khi tờ khai được thông quan, công ty tiến hành nhận lệnh giao hàng (D/O) từ hãng tàu, thanh toán các khoản phí liên quan và thực hiện thủ tục lấy container tại cảng. Bộ phận giao nhận phối hợp với đơn vị vận tải để đưa hàng về kho khách hàng đúng thời gian quy định.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, Công ty Timex vẫn gặp một số khó khăn như nhân viên khai sai mã HS (cụ thể như mã HS trên C/O không trùng khớp với mã HS mà doanh nghiệp khai báo trên tờ khai hải quan tại Việt Nam) dẫn đến số thuế phải nộp tăng cao, hay sai chứng từ khách hàng cung cấp chưa đầy đủ, sai lệch thông tin giữa chứng từ và thực tế hàng hóa hoặc thời gian kiểm tra chuyên ngành kéo dài. Mặc dù việc lấy lệnh eDO đã rất nhanh, nhưng vẫn tồn đọng vấn đề nhân viên mắc lỗi kiểm tra C/O dẫn đến việc Hải quan nghi ngờ, treo tờ khai hoặc bác C/O, thì toàn bộ quy trình giải phóng hàng FCL tại cảng Hải Phòng vẫn sẽ bị đình trệ, làm phát sinh chi phí lưu kho bãi lớn tại kho riêng của Timex. Ngoài ra, vào những thời điểm cảng quá tải hoặc hệ thống hải quan điện tử gặp lỗi cũng ảnh hưởng đến tiến độ thông quan hàng hóa.

Tổng quan công tác xử lý chứng từ và thủ tục hải quan tại Công ty Timex được thực hiện khá bài bản và đúng quy trình. Với đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm trong xử lý chứng từ và khai báo hải quan, góp phần hạn chế sai sót và đảm bảo tiến độ giao nhận hàng hóa cho khách hàng. Tuy nhiên, công ty vẫn cần tiếp tục nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên và tăng cường phối hợp với khách hàng nhằm hạn chế các vấn đề phát sinh trong quá trình thông quan.

2.2.5. Thực trạng vận chuyển, lưu kho và giao hàng đến tay khách hàng

**** Thực trạng vận chuyển đối với xe riêng của công ty***

Tại Công ty Timex, sau khi hoàn tất thủ tục thông quan, hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển sẽ được tổ chức vận chuyển từ cảng về kho khách hàng hoặc kho lưu trữ theo yêu cầu. Đây là khâu cuối cùng trong quy trình giao nhận nhưng có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng dịch vụ và uy tín của công ty đối với khách hàng. Quy trình vận chuyển thường bao gồm các bước:

1. Nhân viên giao nhận lấy Lệnh giao hàng (D/O) từ hãng tàu, đóng phí lưu bãi, hạ bãi tại cảng.
2. Điều động xe đầu kéo của đối tác vận tải vào vị trí chỉ định để bốc container lên xe.
3. Tài xế và nhân viên Timex đồng kiểm tra tình trạng vỏ container, đối chiếu số container và số seal (chì) trùng khớp với Biên bản bàn giao (EIR).
4. Vận chuyển container về kho của khách hàng hoặc kho trung chuyển của công ty Timex.
5. Trả vỏ container rỗng về đúng depot được chỉ định trên D/O để tránh phát sinh chi phí phạt từ hãng tàu.

Với điểm mạnh về quy trình vận chuyển tương đối rõ ràng và chuyên nghiệp, công ty xây dựng được quy trình phối hợp giữa các bộ phận giao nhận, hải quan và vận tải khá chặt chẽ, giúp quá trình lấy hàng tại cảng và giao hàng diễn ra thuận lợi. Đáp ứng nhanh chóng nhu cầu vận chuyển vào các đợt hàng về dồn dập; thủ tục bàn giao container tại cảng diễn ra tương đối thuận thực nhờ đó công ty có mối quan hệ hợp tác với nhiều hãng tàu, đơn vị vận tải và depot container, từ đó hỗ trợ xử lý hàng hóa nhanh hơn và hạn chế gián đoạn trong quá trình vận chuyển.

Bên cạnh những ưu điểm đầy thì không thể tránh khỏi một số nhược điểm mà công ty gặp phải cụ thể: Tình trạng ùn tắc giao thông tại khu vực cảng biển; Timex đôi khi rơi vào thế bị động khi giá cước vận tải biến động mạnh hoặc khan hiếm xe vào dịp Lễ, Tết; tình trạng kẹt xe tại các tuyến đường ra vào cảng cũng gây chậm trễ

tiền độ giao hàng dự kiến từ 1 - 2 tiếng; phát sinh chi phí lưu container, lưu bãi nếu nhận hàng chậm.

**** Thực trạng lưu kho***

Đối với các lô hàng chưa cần giao gấp hoặc khách hàng yêu cầu chia nhỏ tiền độ nhận, Timex sẽ tiến hành lưu kho tạm thời trước khi phân phối. Công ty hiện đang kết hợp giữa kho tự quản lý và thuê kho bãi của các đối tác logistics chuyên nghiệp. Hàng hóa sau khi rút khỏi container (nếu lưu kho hàng rời) hoặc nguyên container sẽ được đưa vào bãi. Bộ phận kho thực hiện kiểm đếm số lượng, phân loại theo chủng loại/mã hàng, cập nhật vào sổ tay quản lý hoặc phần mềm Excel và sắp xếp vào các vị trí quy định.

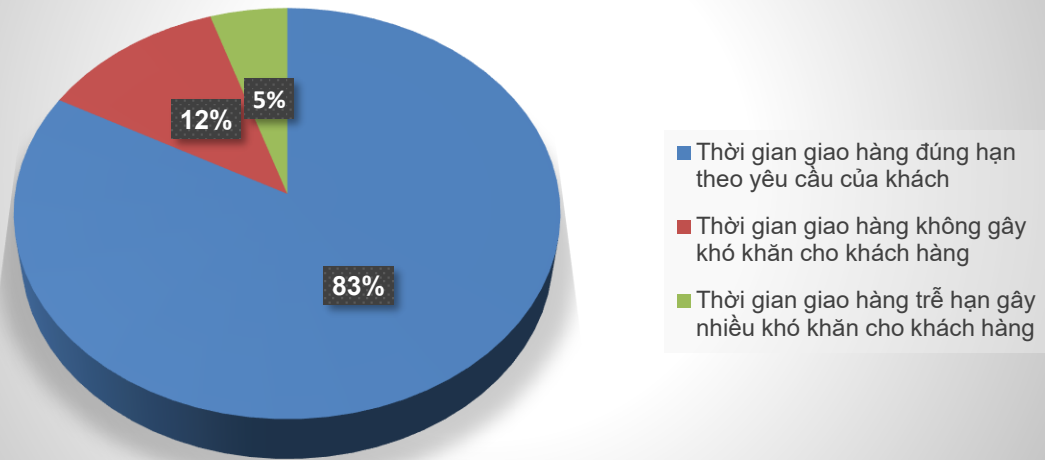
Với công tác lưu kho hàng tại công ty có những ưu điểm nổi bật như: hệ thống kho bãi thuê ngoài có vị trí thuận lợi, gần các trục đường lớn, thuận tiện cho xe lớn ra vào. Công tác bảo vệ, phòng cháy chữa cháy được đảm bảo tốt, tỷ lệ hao hụt hay hư hỏng hàng hóa do lưu kho duy trì ở mức thấp (dưới 0.5%).

Nhìn chung, công tác lưu kho của công ty được thực hiện khá đầy đủ, tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế: Diện tích kho còn hạn chế vào mùa cao điểm; Một số mặt hàng dễ hư hỏng cần điều kiện bảo quản riêng nhưng chưa được đáp ứng đầy đủ. Ngoài ra, chi phí lưu kho tăng cao khi thời gian lưu hàng kéo dài cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**** Thực trạng giao hàng đến tay khách***

Đây là mắt xích cuối cùng, quyết định trực tiếp đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ của Timex. Tỷ lệ giao hàng đúng hạn (On-time delivery) đạt mức khá cao. Bộ phận dịch vụ khách hàng phản hồi thông tin tương đối nhanh, linh hoạt xử lý khi khách hàng yêu cầu thay đổi thời gian hoặc địa điểm giao hàng vào giờ chót.

Biểu đồ thể hiện tỷ lệ giao hàng đúng hạn theo khảo sát của khách hàng



Nguồn: khảo sát khách hàng

Nhận xét:

Qua việc kết hợp giữa công ty và cá nhân tiến hành khảo sát 50 khách hàng, có 83% khách hàng cho rằng thời gian giao hàng của công ty là đúng thời gian, 12% khách hàng cho rằng mức độ giao hàng trễ hạn không gây nhiều khó khăn cho khách hàng, 5% còn lại khách hàng cho rằng mức độ giao hàng trễ hạn ảnh hưởng tương đối lớn cho khách hàng.

Công ty vẫn luôn tìm giải pháp để cải thiện thời gian giao hàng đúng hạn. Tuy nhiên thì hiện vẫn còn khá nhiều chuyển hàng bị trễ hơn so với thời gian giao hàng thỏa thuận với khách hàng.

Một số nguyên nhân làm dẫn đến tình trạng trễ hạn giao hàng của công ty là do:

- Vấn đề về kiểm tra chứng từ: Trong quá trình hoàn thiện bộ chứng từ, sai sót là điều không tránh khỏi.
- Vấn đề về khai báo hải quan: Trong quá trình khai báo hải quan, nhân viên giao nhận thường gặp một số khó khăn ở một số chứng từ bị sai lệch, không hợp lệ, thiếu chứng từ làm kéo dài thời gian giao nhận, phát sinh thêm chi phí. hàng về kho, gây tổn kém cho
- Vấn đề ngoài ý muốn như điều kiện thời tiết, tình trạng kẹt xe tại đầu cảng là rủi ro không thể tránh khỏi có thể làm delay chuyển hàng của khách,v..v

Qua những phân tích thực trạng vận chuyển, lưu kho và giao hàng đến tay khách hàng thì nhìn chung hoạt động vận chuyển, lưu kho và giao hàng nhập khẩu

nguyên container bằng đường biển tại Timex được tổ chức tương đối hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Công ty đã xây dựng được quy trình giao nhận khá bài bản, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận nghiệp vụ cũng như với các đối tác vận tải, hãng tàu và kho bãi. Trong quá trình vận chuyển, công ty thể hiện được tính linh hoạt khi sử dụng dịch vụ vận tải thuê ngoài, giúp tiết kiệm chi phí đầu tư phương tiện và dễ dàng điều phối xe theo khối lượng hàng hóa thực tế. Hoạt động lưu kho và giao hàng cũng được thực hiện tương đối ổn định, góp phần đảm bảo tiến độ giao hàng và hạn chế thất lạc hàng hóa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như phụ thuộc nhiều vào đơn vị vận tải bên ngoài, chi phí logistics còn cao, cơ sở hạ tầng kho bãi chưa thật sự hiện đại và đôi khi phát sinh chậm trễ do ảnh hưởng từ cảng biển hoặc tình trạng giao thông. Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ trong quản lý vận tải và kho hàng chưa đồng bộ cũng làm giảm hiệu quả hoạt động trong mùa cao điểm.

Tuy nhiên, với kinh nghiệm trong lĩnh vực giao nhận quốc tế gần chục năm của công ty và gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành của lãnh đạo công ty, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp nên đủ khả năng xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh, Timex vẫn duy trì được chất lượng dịch vụ tương đối tốt và tạo được sự tin tưởng từ khách hàng. Đây là nền tảng quan trọng để công ty tiếp tục cải thiện quy trình logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng hoạt động trong thời gian tới.

2.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container tại Công ty Timex

2.3.1. Kết quả đạt được

Hiện nay Công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK Timex đang phát triển mạnh ở mảng giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu qua đường biển, đường bộ, gom hàng lẻ. Nhờ uy tín và kinh nghiệm của mình, công ty sẽ vẫn sẽ tiếp tục duy trì, đẩy mạnh phát triển kinh doanh trong mảng này và mở rộng tìm kiếm thêm nhiều các khách hàng và đối tác. Hiện chi nhánh Hải Phòng của công ty đang cung cấp các dịch vụ gom hàng lẻ đường biển với các tuyến vận chuyển từ Hải Phòng (Việt Nam) đi đến Singapore, Malaysia, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc, Lào. Trong tương lai gần, công ty đang có kế hoạch mở rộng dịch vụ tới các thị trường châu Mỹ, châu Âu và Úc. Cùng với đó, để gia tăng doanh thu cho công ty, bộ phận Kinh doanh sẽ được mở rộng và đào tạo chuyên sâu để tìm kiếm, kí kết hợp đồng dịch vụ lâu dài với các khách hàng, đối tác là doanh nghiệp sản xuất có lượng hàng hóa xuất/nhập khẩu lớn,

thường xuyên để không ngừng gia tăng thương hiệu, uy tín của Timex trên thị trường giao nhận vận tải hàng hóa tại Việt Nam

Với sự phát triển ngày càng hiện đại của công nghệ, các bước giao nhận không còn phải thực hiện một cách quy củ như trước. Các bước như lấy lệnh giao hàng, khai Hải quan, thanh lý hay lấy phiếu EIR cũng được thực hiện trên mạng internet. Việc thực hiện trực tuyến này tiết kiệm được thời gian và nhân lực giúp chi Công ty tiết kiệm được một phần chi phí. Nhân viên kinh doanh của Công ty am hiểu, nắm vững các dịch vụ, có nghiệp vụ cao, kỹ năng đàm phán tốt mang lại thêm nhiều khách hàng mới trong năm gần đây.

Công ty đã có chiến lược kinh doanh đúng đắn, phù hợp với nguồn lực chung. Với nguồn vốn ban đầu không lớn nhưng nhận thức rõ về tầm quan trọng của cơ sở thiết bị và công nghệ, công ty đã cố gắng trang trải các trang thiết bị cần thiết cho quá trình thực hiện giao nhận hàng. Công ty đã nâng cấp, cập nhật hệ thống máy tính thường xuyên. Đầu tư vào các phần mềm quản lý chi tiết cho mỗi lô hàng.

Việc kiểm tra sai sót của các chứng từ được nhân viên thực hiện một cách tỉ mỉ. Phát hiện lỗi sai của chứng từ và thông báo đến khách hàng ngay từ đầu để dễ dàng chỉnh sửa và thực hiện các bước tiếp theo một cách thuận lợi và nhanh chóng hơn.

2.3.2. Những hạn chế và tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty Timex vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, thời gian xử lý chứng từ đôi khi còn chậm.

Trong một số trường hợp, việc tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ nhập khẩu chưa được thực hiện nhanh chóng, đặc biệt khi chứng từ từ khách hàng hoặc hãng tàu gửi đến thiếu hoặc sai sót thông tin. Điều này làm kéo dài thời gian khai báo hải quan và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng cho khách.

Thứ hai, khả năng phối hợp giữa các bộ phận chưa thật sự đồng bộ.

Một số khâu như chứng từ, khai báo hải quan, điều xe và giao hàng đôi lúc chưa có sự liên kết chặt chẽ, dẫn đến việc cập nhật thông tin chưa kịp thời hoặc xảy ra sai sót trong quá trình xử lý lô hàng.

Thứ ba, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của một số nhân viên còn hạn chế.

Do lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu thường xuyên thay đổi về quy định, thủ tục hải quan và chính sách quản lý hàng hóa nên một số nhân viên chưa kịp cập nhật đầy đủ, gây khó khăn trong việc xử lý các tình huống phát sinh.

Nguồn nhân lực của Công ty non trẻ, thiếu kinh nghiệm trong nghiệp vụ dẫn đến việc xử lý các vấn đề phát sinh chưa nhanh chóng triệt để dẫn đến kéo dài thời gian làm hàng, phát sinh thêm nhiều chi phí lưu kho, lưu bãi,...

Thứ tư, hoạt động chăm sóc khách hàng chưa thật sự nổi bật.

Công ty vẫn còn hạn chế trong việc cập nhật tình trạng lô hàng thường xuyên cho khách hàng, đặc biệt vào các thời điểm cao điểm hoặc khi phát sinh sự cố, làm ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng

Thứ năm, áp lực quản lý và chi phí phát sinh liên quan đến hệ thống vỏ container và kho bãi riêng.

Việc sở hữu kho bãi và vỏ container riêng là lợi thế lớn, nhưng thực tế công tác quản lý vận hành tại Timex vẫn còn bộc lộ điểm yếu do chưa được số hóa đồng bộ: *Hiệu suất khai thác bãi chưa tối ưu*: Việc theo dõi vị trí, tình trạng luân chuyển của vỏ container riêng và container của hãng tàu tại kho bãi đôi khi còn chông chéo, quản lý bằng sổ sách hoặc file Excel thủ công. Điều này dẫn đến tình trạng có thời điểm kho bãi bị quá tải cục bộ, nhưng có thời điểm lại trống chỗ, gây lãng phí nguồn lực đầu tư cố định.

Thứ sáu, quy trình xử lý rủi ro công nghệ khi vận hành Lệnh giao hàng điện tử eDO còn thụ động.

Dù việc áp dụng eDO và hệ thống Cảng điện tử ePort tại Hải Phòng giúp rút ngắn thời gian lấy lệnh, nhưng thực tế phát sinh một nút thắt lớn về mặt công nghệ: Hệ thống mạng giữa Hãng tàu và hệ thống ePort của các cảng (Tân Vũ, Đình Vũ, Lạch Huyện...) thỉnh thoảng gặp sự cố lệch pha dữ liệu hoặc nghẽn mạch. Nhiều trường hợp hãng tàu báo đã nhả lệnh eDO và Timex đã trừ tiền trên tài khoản, nhưng hệ thống cảng chưa cập nhật kịp trực tuyến.

Khi gặp sự cố này, nhân viên hiện trường của Timex chưa có một quy trình ứng phó rủi ro chuẩn hóa (*Back-up plan*) mà vẫn phải xử lý thủ công bằng cách gọi hotline, chờ đợi đối soát. Hệ quả là đội xe đầu kéo hoặc xe tải nhỏ đã được điều động đến cổng cảng phải nằm chờ từ 2 - 3 tiếng, phát sinh chi phí neo xe và làm gián đoạn chuỗi giao hàng.

Thứ bảy, tỷ lệ sai sót của nhân viên chứng từ khi kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) còn cao.

Đối với hàng nhập khẩu FCL, C/O là chứng từ cốt lõi để khách hàng hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Tuy nhiên, đội ngũ nhân viên chứng từ và khai báo của Timex vẫn thường xuyên mắc các lỗi cơ bản do tính cẩn trọng chưa cao và áp lực

thời gian: Nhân viên hay dễ xảy ra lỗi hình thức như: Sai lệch một ký tự trong số container, số seal, số vận đơn (B/L) giữa C/O và bộ chứng từ gốc; hoặc quên không kiểm tra lỗi "Cấp sau" (ô số 13 *Issued Retroactively*) khi ngày cấp C/O trễ hơn ngày tàu chạy quá 3 ngày.

Đặc biệt, lỗi sai mã HS code (chênh lệch số đuôi giữa nước xuất khẩu và Việt Nam) hoặc áp sai tiêu chí xuất xứ kỹ thuật (CTC, WO) vẫn diễn ra. Khi Hải quan nghi ngờ và nghi vấn C/O, lô hàng FCL sẽ bị đình trệ tại cảng Hải Phòng để chờ xác minh, làm phát sinh lượng lớn chi phí lưu kho bãi, làm giảm uy tín của Timex đối với chủ hàng.

Thứ tám, thiếu hụt công cụ công nghệ trong việc điều vận kết hợp (kéo cont và xé hàng lẻ).

Mô hình giao nhận FCL của Timex có một đặc thù rất hay là: Kéo container FCL từ cảng về kho riêng của Timex -> Rút hàng -> Dùng xe tải nhỏ phân phối chặng cuối cho khách hàng. Tuy nhiên, công ty đang thiếu một hệ thống phần mềm quản lý điều vận (TMS) tập trung. Việc điều phối giữa đội xe đầu kéo lớn và đội xe tải nhỏ hiện nay vẫn dựa vào kinh nghiệm của trưởng bộ phận điều độ.

Sự thiếu kết nối thông tin theo thời gian thực (*Real-time*) dẫn đến tình trạng lãng phí năng lực vận tải: có những chuyến xe tải nhỏ phải chạy rỗng chiều về sau khi giao hàng, hoặc xe đầu kéo hạ cont xong tại kho nhưng đội xe tải nhỏ chưa sẵn sàng bốc hàng, làm kéo dài tổng thời gian của quy trình giao nhận.

Thứ chín, Sự mất cân đối trong năng lực vận tải chặng đầu và chặng cuối đối với hàng FCL.

Mặc dù Timex Hải Phòng sở hữu đội xe tải nhỏ rất cơ động và mạnh mẽ trong việc phân phối hàng nội đô, nhưng đối với quy trình giao nhận hàng nhập khẩu nguyên container (FCL), áp lực vận chuyển lại nằm ở đội xe đầu kéo lớn (xe chở container chuyên dụng). Do số lượng xe đầu kéo tự có của công ty còn giới hạn, vào những mùa cao điểm xuất nhập khẩu (thường là quý III và quý IV), Timex buộc phải thuê ngoài (*outsourcing*) các đơn vị vận tải vệ tinh để kéo container từ cảng Hải Phòng về kho của khách hàng. Việc phụ thuộc vào bên thứ ba này dẫn đến hai hệ lụy:

Chi phí thuê ngoài cao làm giảm biên lợi nhuận của mảng dịch vụ FCL

Công ty gặp khó khăn trong việc kiểm soát hoàn toàn tiến độ giao hàng, đôi khi xảy ra tình trạng chậm trễ giờ giao nhận do bên vận tải trung gian không đáp ứng kịp tiến độ.

2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế

Những hạn chế trong hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container tại Công ty Timex xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Thứ nhất, do sự biến động và phức tạp của môi trường logistics.

Hoạt động giao nhận quốc tế chịu ảnh hưởng lớn từ lịch trình tàu biển, tình trạng ùn tắc cảng, thay đổi chính sách hải quan và biến động giá cước vận tải. Những yếu tố này khiến doanh nghiệp khó kiểm soát hoàn toàn tiến độ giao nhận và chi phí phát sinh.

Thứ hai, nguồn nhân lực chưa được đào tạo chuyên sâu và thường xuyên.

Mặc dù công ty có đội ngũ nhân viên trẻ và năng động nhưng kinh nghiệm xử lý các lô hàng phức tạp còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc cập nhật kiến thức mới về nghiệp vụ xuất nhập khẩu và hải quan chưa được tổ chức liên tục.

Thứ ba, hệ thống công nghệ thông tin chưa đồng bộ.

Công ty chưa đầu tư toàn diện vào các phần mềm quản lý logistics hiện đại nên việc kết nối dữ liệu giữa các bộ phận còn hạn chế. Một số quy trình vẫn phụ thuộc vào xử lý thủ công, dẫn đến mất thời gian và dễ xảy ra sai sót.

Thứ tư, khả năng phối hợp với các đối tác bên ngoài còn phụ thuộc nhiều yếu tố.

Hoạt động giao nhận liên quan đến nhiều bên như hãng tàu, cảng biển, hải quan, kho bãi và đơn vị vận tải nội địa. Khi một trong các bên xử lý chậm hoặc phát sinh sự cố sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ giao nhận của công ty.

Thứ năm, áp lực cạnh tranh trong ngành logistics ngày càng lớn.

Nhiều doanh nghiệp logistics hiện nay cạnh tranh mạnh về giá và chất lượng dịch vụ, khiến công ty phải tối ưu chi phí trong khi vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động. Điều này đôi khi làm hạn chế khả năng đầu tư mạnh vào công nghệ và nhân sự.

Thứ sáu, khối lượng hàng hóa vào các mùa cao điểm tăng mạnh.

Vào các thời điểm cuối năm hoặc mùa nhập khẩu cao điểm, số lượng container tăng nhanh dẫn đến tình trạng quá tải trong xử lý chứng từ, khai báo hải quan và điều phối vận chuyển, từ đó làm giảm hiệu quả hoạt động giao nhận.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIAO NHẬN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TIMEX

3.1. Định hướng phát triển hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu của Công ty Timex đến năm 2030

3.1.1. Xu hướng phát triển ngành logistics và giao nhận vận tải biển tại Việt Nam

- **Sự tăng trưởng bùng nổ của kim ngạch thương mại quốc tế:**

Bước sang giai đoạn chiến lược đến năm 2030, Việt Nam tiếp tục củng cố vị thế vững chắc trong nhóm 20 nền kinh tế có quy mô thương mại toàn cầu lớn nhất. Với việc thực thi toàn diện hơn 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới (như EVFTA, CPTPP, RCEP), dòng luân chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, đặc biệt là phương thức vận tải hàng nguyên container (FCL) bằng đường biển phục vụ chuỗi cung ứng sản xuất và tiêu dùng nội địa, ước tính duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng từ 14% đến 16% mỗi năm.

- **Xu hướng chuyển đổi số và tự động hóa quy trình (Digital Logistics):**

Ngành logistics đang dịch chuyển mạnh mẽ từ mô hình vận hành thủ công sang hệ sinh thái số. Việc áp dụng hệ thống hải quan điện tử thế hệ mới VNACCS/VCIS, đổi lệnh giao hàng điện tử (EDO), phần mềm quản trị chuỗi cung ứng tích hợp, và hệ thống định vị thời gian thực không còn là lợi thế riêng lẻ mà đã trở thành tiêu chuẩn bắt buộc nhằm tối ưu hóa chi phí và rút ngắn thời gian thông quan chặng cửa khẩu.

- **Áp lực cạnh tranh khốc liệt về chất lượng dịch vụ và Logistics xanh:**

Thị trường logistics Việt Nam chứng kiến sự phân hóa sâu sắc khi các doanh nghiệp có quy mô lớn chiếm lĩnh tới 80% thị phần. Các chủ hàng ngày càng đặt ra những tiêu chí khắt khe đối với nhà cung cấp dịch vụ logistics (3PL/4PL): không chỉ cạnh tranh về giá cước thuần túy, mà cốt lõi nằm ở mức độ an toàn của hàng hóa, tính chính xác tuyệt đối của bộ chứng từ, sự minh bạch trong lộ trình luân chuyển và việc tuân thủ các quy chuẩn giảm phát thải carbon (Green Logistics).

3.1.2. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty Timex

- **Duy trì vị thế và khai thác sâu các tuyến vận tải Nội Á cốt lõi:**

Ban lãnh đạo Công ty Timex xác định định hướng chiến lược đến năm 2030 là giữ vững dòng hàng ổn định trên tuyến Đông Á và Đông Nam Á (đặc biệt là tuyến Đài Loan – Việt Nam) với các mặt hàng nhập khẩu thế mạnh phục vụ nông nghiệp và công nghiệp như phân bón, hóa chất, sắt thép. Song song với đó, từng bước mở

rộng mạng lưới đại lý ngoại quốc (Agent) uy tín để vươn sang phân khúc thị trường xa như Châu Âu, Châu Mỹ và Úc.

- **Dịch chuyển chuỗi dịch vụ theo hướng tích hợp trọn gói 3PL:**

Khắc phục thực trạng cung cấp các dịch vụ giao nhận đơn lẻ, ngắn hạn (phần lớn tập khách hàng hiện tại sử dụng dịch vụ dưới 1 năm), Timex định hướng chuyển mình thành nhà cung cấp giải pháp logistics toàn diện. Công ty sẽ tập trung ký kết các hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) với các tập đoàn, nhà máy sản xuất lớn, đảm nhận trọn gói từ khâu liên hệ shipper đầu nước ngoài, gom hàng, vận chuyển biển, thực hiện thủ tục hải quan chặng cửa khẩu cho đến kéo container giao hàng chặng cuối (Door-to-Door).

- **Lấy phương châm "Chuyên nghiệp - Chính xác - Trách nhiệm" làm lõi thương hiệu:**

Nâng cao các chỉ số chất lượng dịch vụ nhằm triệt tiêu các điểm nghẽn tồn tại. Công ty đặt mục tiêu kéo giảm tỷ lệ đơn hàng phát sinh khiếu nại liên quan đến tiến độ giao nhận (hiện chiếm tỷ trọng cao khoảng 21%) và các sai sót về mặt quy cách kỹ thuật hay số lượng chứng từ (chiếm 17%), hướng tới xây dựng một quy trình cung ứng dịch vụ có độ tin cậy tuyệt đối.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container tại Công ty Timex

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện và chuẩn hóa quy trình giao nhận hàng FCL nhập khẩu

Nhằm khắc phục tình trạng phối hợp lỏng lẻo, thiếu đồng bộ giữa các phòng ban nội bộ làm suy giảm hiệu suất làm hàng, Công ty Timex cần chuẩn hóa toàn diện quy trình giao nhận FCL nhập khẩu đường biển thành chuỗi liên hoàn 10 bước chặt chẽ, có sự phân định trách nhiệm rõ ràng:

- **Kiểm soát và xử lý dữ liệu nghiêm ngặt ở khâu chứng từ tiền thông quan:**

Ngay khi nhận được bộ hồ sơ nhập khẩu từ khách hàng hoặc thông tin cảnh báo hàng đến (*Pre-Alert*) từ đại lý đầu nước ngoài, bộ phận Chứng từ (Docs) của Timex Hải Phòng phải lập tức tiến hành quy trình **đối chiếu chéo (Cross-checking)** toàn diện các chỉ số giữa Hợp đồng thương mại (*Sales Contract*), Hóa đơn thương mại (*Commercial Invoice*), Phiếu đóng gói (*Packing List*), Vận đơn (*Bill of Lading - B/L*) và Chứng nhận xuất xứ (*C/O*). Quy trình kiểm tra tính đồng nhất này phải tuân thủ nghiêm ngặt các nội dung chi tiết sau:

- Nhân viên phải đối chiếu chỉ số tổng trọng lượng (*Gross Weight*) và thể tích (*CBM*) trên *Packing List* xem có khớp hoàn toàn với thông tin khai báo trên *Vận đơn (B/L)* hay không. Đối với hàng nguyên container (FCL), sự sai lệch dù chỉ vài kilôgam giữa các chứng từ này sẽ bị hệ thống Hải quan phân luồng kiểm tra (Luồng Vàng/Luồng Đỏ) do nghi ngờ gian lận thương mại hoặc khai báo sai tải trọng trực xe khi kéo container qua trạm cân cảng.

- Quy cách đóng gói và số lượng kiện: Kiểm tra số lượng kiện hàng thực tế được đóng trong container (ví dụ: *20 Pallets, 500 Cartons...*) phải đồng nhất trên cả ba chứng từ: *Invoice, Packing List* và *B/L*. Đồng thời, phải kiểm tra kỹ thuật mô tả hàng hóa (*Description of Goods*), đảm bảo tên hàng, nhãn mác, số hiệu model/part-number không có ký tự lạ hoặc lỗi chính tả khác biệt giữa các chứng từ.

- Xác minh tính logic giữa Hóa đơn (*Invoice*) và Hợp đồng (*Contract*): Đối chiếu tổng trị giá hóa đơn, đơn giá của từng mặt hàng, đơn vị tiền tệ thanh toán (USD, EUR, JPY...) và đặc biệt là **Điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms)** được áp dụng (ví dụ: *FOB Shanghai, CIF Haiphong*). Nếu thông tin Incoterms trên *Invoice* lệch so với *Contract*, toàn bộ việc tính toán trị giá tính thuế và khai báo các khoản phải cộng/trừ trên tờ khai hải quan trị giá (đối với hàng FCL) sẽ bị sai lệch hoàn toàn.

- Kiểm tra kỹ thuật chuyên sâu đối với Chứng nhận xuất xứ (C/O): Đây là khâu then chốt để khắc phục triệt để các lỗi nghiệp vụ nhân viên hay mắc phải. Bộ phận chứng từ cần đối chiếu trực tiếp dữ liệu trên C/O với bộ chứng từ gốc theo các tiêu chí:

Thông tin vận tải: Số container và số seal (chì) trên C/O phải trùng khớp từng ký tự với *B/L* và *Packing List*. Ngày khởi hành (On board date) trên *B/L* phải khớp với thông tin về con tàu và cảng đi/cảng đến ghi trên C/O.

Quy tắc thời gian: Kiểm tra ngày cấp C/O. Nếu ngày cấp sau ngày tàu chạy quá 03 ngày, bắt buộc C/O phải được đánh dấu (tick) vào ô **"Issued Retroactively"** (Cấp sau).

Tiêu chí kỹ thuật và Mã HS: Đối chiếu mã HS code trên \$C/O\$ (thường là 4 đến 6 số đầu theo chuẩn quốc tế) với mã HS dự kiến khai báo tại Việt Nam. Phải kiểm tra sự phù hợp của Tiêu chí xuất xứ (như *WO, RVC, CTC*) tương ứng với mặt hàng đó theo quy định của Hiệp định thương mại tự do liên quan.

◦ *Ứng dụng thực tế chứng từ:* Lấy bài học từ lô hàng phân bón *Ammonium Sulphate* nhập khẩu từ Kaohsiung về cảng Hải Phòng. Nhân viên Docs phải kiểm tra đảm bảo số lượng **160 bao Jumbo**, trọng lượng tịnh (**Net Weight: 191.678 MTS**)

và trọng lượng cả bì (**Gross Weight: 193.921 KGS**) phải khớp chính xác 100% trên tất cả các bề mặt chứng từ. Việc phát hiện sớm các lỗi sai lệch dù là nhỏ nhất (như sai sót thông tin người nhận *Consignee* hay điều khoản *Trade Term CIF Haiphong Port*) trước khi truyền tờ khai chính thức sẽ giúp Timex duy trì chỉ số "cung cấp dịch vụ chính xác ngay từ lần đầu tiên" (tiêu chí đang đạt điểm cao nhất 4.02) và tránh việc bị cơ quan Hải quan phạt hành chính hoặc bác bỏ xuất xứ hàng hóa.

• **Tối ưu hóa khâu làm thủ tục lấy hàng tại cảng và giao nhận hiện trường:**

Nhân viên Hiện trường (Ops) cần chủ động chuyển đổi từ phương thức đối lệnh trực tiếp sang khai thác lệnh giao hàng điện tử (**EDO**) thông qua cổng thanh toán trực tuyến của hãng tàu (ví dụ: hãng tàu Evergreen vận hành chuyến tàu *EVER PEARL*). Khi đi thanh lý tờ khai tại thương vụ cảng dỡ (như bãi CY cảng **Vip Green Port**), Ops phải chuẩn bị đồng bộ: 03 bản D/O, mã vạch hải quan đã thông quan, giấy cược container và giấy giới thiệu công ty. Việc chuẩn bị ứng trực trước này giúp tài xế xe trucking nhận phiếu vị trí container (*Position Slip*) và thực hiện nâng container lên xe giải phóng khỏi cảng trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu cập bãi, giải quyết triệt để vấn đề đơn hàng bị chậm trễ tiến độ vận chuyển (hiện chiếm tới 12.6% tổng lỗi phát sinh).

3.2.2. Giải pháp về chi phí tiết kiệm đối với khách hàng

a) *Tối ưu hóa chi phí lưu kho bãi thông qua mô hình "Rút container tại kho Timex và phân phối bằng xe tải nhỏ"*

Với ưu điểm Timex có hệ thống kho bãi riêng tại Hải Phòng và đội xe tải nhỏ linh hoạt, kết hợp với kỹ năng kiểm tra chứng từ tiền thông quan rất tỉ mỉ của nhân viên chúng ta có thể tối ưu chi phí cho khách hàng bằng cách:

Đối với những khách hàng nhập khẩu FCL có kho riêng nhỏ, hoặc nằm trong khu vực cấm xe container giờ cao điểm: Ngay khi nhân viên Docs kiểm tra chứng từ và thông quan lô hàng FCL tại cảng, Timex sẽ chủ động điều xe đầu kéo kéo thẳng container hàng từ cảng về Kho bãi riêng của Timex (thay vì kéo về kho khách hàng).

Tại kho Timex, công ty tiến hành rút hàng out-of-cont ngay lập tức để hoàn trả vỏ container rỗng cho hãng tàu trong vòng 24 giờ, triệt tiêu hoàn toàn rủi ro phát sinh phí phạt lưu vỏ (DET).

Sau đó, dựa trên lịch sản xuất/tiêu thụ của khách hàng, Timex sử dụng **đội xe tải nhỏ** để chia tách hàng và giao dần (Last-mile delivery) về nhà máy của họ.

* *Hiệu quả mang lại:*

Khách hàng tiết kiệm được **100% chi phí phạt lưu container (DET)** và lưu bãi (DEM) tại cảng. Giảm áp lực chi phí quản lý kho và nhân công bốc xếp cho khách hàng, vì hàng được phân phối nhỏ lẻ theo đúng tiến độ nhu cầu sản xuất, không bị dồn ứ tại kho của họ.

b) Cắt giảm chi phí phát sinh tại cảng

Công ty đã có kinh nghiệm vận hành trực tuyến các khâu lấy lệnh eDO, khai Hải quan qua Internet, đồng thời sở hữu phần mềm quản lý chi tiết cho mỗi lô hàng. Timex sẽ tích hợp dữ liệu thời gian thực (Real-time tracking) từ phần mềm quản lý lô hàng nội bộ với hệ thống ePort Hải Phòng và hệ thống khai báo hải quan.

Nhân viên hiện trường không cần đợi đến khi tàu cập mới làm thủ tục. Ngay khi có lệnh điện tử eDO và tờ khai được phân luồng trực tuyến, thực hiện nộp phí nâng hạ cước cảng qua ví điện tử/cổng Napas trước khi tàu cập bến 24 giờ.

Lệnh điều xe (biển số xe đầu kéo hoặc xe tải nhỏ) được đẩy thẳng lên hệ thống \$ePort\$. Tài xế chỉ cần cầm mã QR trên điện thoại là vào ăn hàng ngay khi cont được hạ bãi

** Hiệu quả mang lại:*

Rút ngắn thời gian giải phóng một container FCL tại cảng Hải Phòng từ trung bình 6 - 8 tiếng xuống còn **dưới 2 tiếng**.

Tiết kiệm **30 - 40% chi phí lưu ca xe/neo xe** cho khách hàng tại cảng (do tài xế không phải xếp hàng chờ đợi lấy lệnh giấy hay làm thủ tục đổi lệnh tại quầy).

Hàng hóa về nhà máy nhanh hơn, tăng tốc độ quay vòng vốn lưu động cho doanh nghiệp nhập khẩu.

3.2.3. Giải pháp về tiêu chí tin cậy đối với khách hàng

*** Để tăng tính tin cậy với khách hàng công ty có giải pháp đào tạo nhân sự khai quan và điều cực kì cấp thiết**

1. Đào tạo chuyên sâu về Kỹ thuật nghiệp vụ (lỗi C/O và HS Code)

Mời các chuyên gia từ Cục Hải quan Hải Phòng về tổ chức các buổi tọa đàm (Workshop) định kỳ 6 tháng/lần nhằm cập nhật các Nghị định, Thông tư mới nhất về quy tắc xuất xứ hàng hóa.

Xây dựng bộ tài liệu nội bộ "phòng ngừa rủi ro C/O" Tổng hợp lại toàn bộ các form C/O. Tập trung huấn luyện nhân viên cách kiểm tra tính logic của ngày cấp (lỗi *Issued Retroactively*), cách đối chiếu số cont/seal, và cách xử lý khi có sự khác biệt về mô tả hàng hóa giữa các nước.

2. Đào tạo công nghệ số và Quy trình xử lý rủi ro hệ thống (eDO/ePort)

Đào tạo nhân viên sử dụng thuần thục các cổng thông tin trực tuyến của từng hãng tàu lớn tại Hải Phòng (Maersk, ONE, COSCO...) và hệ thống ePort của các cảng thành phần (Tân Vũ, Đình Vũ, Lạch Huyện...).

Đào tạo quy trình "**Kế hoạch dự phòng công nghệ**" (**Back-up Plan**): Khi hệ thống lệnh điện tử hoặc cảng điện tử bị nghẽn mạch/lỗi đồng bộ, nhân viên được hướng dẫn chính xác các bước cần làm: Liên hệ đầu mối nào của hãng tàu để xác nhận.

Sử dụng mẫu biên bản cam kết với cảng phù hợp để được giải phóng xe trước, đối soát hệ thống sau. Tránh tình trạng nhân viên thụ động chờ đợi làm phát sinh chi phí neo xe của công ty.

* Với các giải pháp cụ thể ở trên Timex muốn mang lại cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tốt và sự tin cậy lớn trong hoạt động giao nhận hàng nhập FCL tại công ty vì khi lỗi sai càng ít, tỉ lệ thiếu sót càng thấp thì sự tin tưởng của khách hàng dành cho phía công ty càng cao, khách hàng càng muốn sử dụng nhiều dịch vụ của công ty để nhằm đạt được những mục tiêu mà các giải pháp đề ra ở trên:

- + Chuẩn hóa quy trình tác nghiệp của nhân viên chứng từ (Docs) và nhân viên hiện trường (Ops).

- + Giảm tỷ lệ sai sót chứng từ tiền thông quan (đặc biệt là lỗi C/O) xuống dưới mức 1%.

- + Thành thạo 100% các công cụ số hóa (eDO, ePort, eEIO) để tối ưu hóa thời gian giải phóng hàng FCL tại cảng Hải Phòng.

Yếu tố tin cậy – một trong những thành phần cốt lõi trong chất lượng dịch vụ logistics – vẫn còn nhiều hạn chế tại Công ty thương mại dịch vụ. Cụ thể, khách hàng chưa đánh giá cao ở hai tiêu chí: “Thực hiện dịch vụ đúng như cam kết” và “Cung cấp dịch vụ đúng thời gian như đã hứa”. Điều này cho thấy công ty chưa đáp ứng ổn định kỳ vọng về độ chính xác và nhất quán trong quá trình giao nhận hàng hóa.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên xuất phát từ hệ thống điều phối vận tải của công ty hiện vẫn vận hành theo phương pháp thủ công, thiếu ứng dụng công

nghệ và phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân của điều phối viên. Trong điều kiện đặc thù tại Hải Phòng – nơi có lưu lượng vận tải hàng hóa lớn thông qua hệ thống cảng biển như Lạch Huyện, Đình Vũ, Nam Đình Vũ – việc tối ưu hóa hành trình, kiểm soát thời gian giao hàng và phân bổ tài nguyên xe tải theo thời gian thực là thách thức không nhỏ nếu không có sự hỗ trợ của công nghệ. Do đó, công ty cần xem xét đầu tư và triển khai hệ thống Transportation Management System (TMS) nhằm tăng cường tự động hóa quy trình vận tải. Đây là giải pháp công nghệ hiện đại cho phép lập kế hoạch tuyến đường tối ưu dựa trên dữ liệu thời gian thực (real-time traffic, lịch tàu, vị trí kho, điểm giao nhận), đồng thời hỗ trợ theo dõi phương tiện trực tuyến, cảnh báo trễ giao và phân bổ xe linh hoạt theo nhu cầu. Việc áp dụng TMS sẽ giúp giảm tỷ lệ đơn hàng trễ, đặc biệt là những đơn hàng kết nối trực tiếp với hệ thống logistics cảng biển – nơi mà mỗi chậm trễ đều có thể gây chi phí neo đậu hoặc lệch nhịp chuỗi cung ứng của khách hàng.

Song song với ứng dụng công nghệ, công ty cần xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất nội bộ (KPI) cụ thể, gắn trực tiếp với các mục tiêu cam kết thời gian và chất lượng dịch vụ. Ví dụ: tỷ lệ giao hàng đúng giờ theo tuyến Hải Phòng – Hà Nội, thời gian quay đầu trung bình của xe tải từ các cảng như Đình Vũ hoặc Lạch Huyện về kho trung tâm, hay số lượng đơn hàng bị điều phối sai địa điểm mỗi tháng. Các KPI này cần được cập nhật theo tuần, công khai nội bộ để các bộ phận có thể kịp thời điều chỉnh chiến thuật và phối hợp hiệu quả hơn. Ngoài ra, việc gắn KPI với cơ chế thưởng – phạt minh bạch sẽ khuyến khích nhân viên chủ động nâng cao trách nhiệm trong từng khâu vận hành.

Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực nhân sự là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, phần lớn nhân sự điều phối và giao nhận của công ty đều có kinh nghiệm thực tế lâu năm nhưng chưa được đào tạo bài bản về công nghệ vận hành hiện đại. Do đó, công ty nên tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng, phân tích dữ liệu logistics, và đặc biệt là kỹ năng vận hành các phần mềm hỗ trợ như TMS hoặc hệ thống ERP (nếu có tích hợp). Trong bối cảnh Hải Phòng đang đẩy mạnh trở thành trung tâm logistics khu vực phía Bắc theo định hướng quy hoạch đến năm 2030, việc đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là yếu tố mang tính chiến

lược để Timex duy trì vị thế cạnh tranh, cải thiện độ tin cậy và nâng cao sự hài lòng của khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là các đối tác liên quan đến xuất nhập khẩu qua cảng biển.

Tóm lại, để nâng cao yếu tố Tin cậy, Công ty TNHH Timex cần triển khai đồng bộ ba hướng: hiện đại hóa công nghệ vận tải thông qua hệ thống TMS, thiết lập hệ thống KPI nội bộ gắn với hiệu suất thực tế và đầu tư đào tạo nhân sự phù hợp với xu hướng phát triển logistics tại Hải Phòng. Việc áp dụng các giải pháp này không chỉ giúp cải thiện chất lượng dịch vụ trước mắt mà còn góp phần xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho doanh nghiệp trong dài hạn.

3.2.4. Giải pháp về tiêu chí an toàn đối với khách hàng

Để đảm bảo hàng hóa được giao đến tay khách hàng một cách an toàn, công ty cần phải có quy định rõ ràng đối với các tài xế thực hiện nghiêm chỉnh luật trong việc lưu thông vận chuyển hàng tránh các tai nạn phát sinh, thường xuyên sửa chữa và bảo trì các trang thiết bị, phương tiện vận chuyển.

Khi có phiếu giao nhận làm hàng, nhân viên kiểm tra về các thông số của container như trọng lượng, loại container để thông báo với bộ phận trucking để sắp xếp, bố trí phương tiện vận chuyển hợp lý để tránh tình trạng quá tải gây nguy hiểm đến người và hàng hoá.

Đối với những container hàng quá khổ như container open top, container flat rack phải sử dụng đầu mooc chuyên dụng để kéo hàng. Vì tính chất đặc biệt của các loại hàng khi đóng trong container này là hàng có trọng lượng lớn, cồng kềnh nên khi lấy hàng ra khỏi cảng, tài xế phải chụp hình đầy đủ các mặt của container để báo cáo với khách hàng và đảm bảo vận chuyển hàng với đúng tình trạng đó giao đến tay người nhận.

Đối với việc giao hàng ở kho người nhận, nhân viên kiểm tra với khách hàng về các quy định nơi giao hàng và phải thông báo về quy định trong kho với tài xế, các quy định về phòng cháy nổ của kho, trang bị các đồ dùng thiết bị bảo hộ lao động khi vào trong kho.

3.2.5. Giải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bộ phận giao nhận

- **Chuẩn hóa công tác đào tạo chuyên môn định kỳ:**

Hiện tại, tỷ lệ nhân sự hoàn thành các khóa đào tạo nghiệp vụ bắt buộc tại doanh nghiệp logistics vừa và nhỏ chưa đạt kỳ vọng tối đa. Timex cần bắt buộc 100% nhân viên hiện trường và chứng từ tham gia các khóa huấn luyện chuyên sâu về Luật Hải quan, kỹ năng phân loại mã HS áp thuế, nghiệp vụ mở tờ khai và giải quyết thủ tục khi tờ khai bị phân vào luồng Vàng/luồng Đỏ (quy trình kiểm hóa thực tế tại bãi cảng). Đặc biệt cần cập nhật quy trình kiểm tra chuyên ngành, hợp chuẩn hợp quy đối với nhóm hàng có tính chất đặc thù như phân bón, hóa chất.

- **Bồi dưỡng kỹ năng ứng xử và nâng cao chỉ số "Đồng cảm":**

Từ thực trạng khảo sát cho thấy tiêu chí về thái độ giao tiếp lịch sự và sự quan tâm đến từng đối tượng khách hàng của nhân sự ngành logistics chỉ đạt điểm trung bình từ 3.12 đến 3.33. Timex cần đưa kỹ năng mềm vào chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI). Nhân viên Docs và Ops phải có tác phong chủ động: thường xuyên cập nhật trạng thái lịch trình tàu chạy, báo cáo ngay tiến độ thông quan cho chủ hàng, có thái độ nhã nhặn, tận tụy khi giải đáp thắc mắc và linh hoạt đưa ra giải pháp ứng phó đối với các lô hàng khó, vướng mắc về chứng từ.

3.2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và theo dõi lô hàng

- **Triển khai đồng bộ phần mềm quản trị nội bộ tích hợp (Hệ thống FMS/ELSA):**

Thay thế hoàn toàn phương thức quản lý thông tin rời rạc qua file Excel cá nhân hay email thủ công. Khi áp dụng hệ thống phần mềm quản lý nội bộ đồng bộ, một lô hàng FCL nhập khẩu ngay khi được phòng Kinh doanh tạo lập trên hệ thống, toàn bộ dữ liệu về báo giá, thông tin vận đơn chính (EGLV001400507862) sẽ tự động hiển thị liên thông sang màn hình làm việc của bộ phận Docs (để truyền manifest, phát hành thông báo hàng đến) và bộ phận Ops (để điều xe trucking và nộp phí hạ tầng cảng biển), loại bỏ hoàn toàn sự quá tải thông tin cục bộ và tăng tốc độ xử lý đơn hàng.

- **Số hóa dữ liệu và xây dựng cổng tương tác "Track & Trace" cho khách hàng:**

Cổng tương tác "Track & Trace" hay còn được gọi là "Theo dõi & Truy vết" là hệ thống giám sát hành trình, trạng thái và nguồn gốc của hàng hóa hoặc sản phẩm theo thời gian thực trong suốt chuỗi cung ứng. Tận dụng tối đa phần mềm khai báo hải quan điện tử thế hệ mới để truyền dữ liệu tờ khai hải quan điện tử qua mạng internet nhanh chóng. Chuyển đổi toàn bộ hồ sơ lưu trữ giấy sang hệ thống dữ liệu đám mây (Cloud). Đồng thời, đầu tư xây dựng giao diện tra cứu trạng thái đơn hàng trực tuyến trên website của công ty. Khách hàng chỉ cần nhập số vận đơn chủ (Master

Bill) hoặc số vỏ container (ví dụ hệ thống 8 container thực tế: EITU0356470, EMCU6248115, MAGU2182320...) là có thể tự động cập nhật thời gian thực: *Tàu đã cập cảng dỡ -> Container đã nhấc khỏi tàu -> Xe trucking đang di chuyển trên đường bộ -> Hàng đã giao kho riêng -> Đã hạ vỏ rỗng về bãi chỉ định.*

3.2.7. Tăng cường mối quan hệ với các đối tác: hãng tàu, cảng, đại lý hải quan

- **Đàm phán nâng hạn mức thời gian miễn lưu container/bãi (Free Time):**

Thiết lập các thỏa thuận hợp tác đại lý chiến lược lâu dài với các hãng tàu vận tải biển lớn hoạt động tại Hải Phòng. Dựa trên lượng hàng cam kết ổn định hàng tháng, đàm phán thành công chính sách ưu đãi kéo dài thời gian *Free Time* tại cảng đích đạt mức tối ưu: **14 ngày miễn lưu container tại cảng (14 days Demurrage)** và **7 ngày miễn lưu container tại kho riêng (7 days Detention)**. Biên độ thời gian an toàn này là "lá chắn" giúp chủ hàng không bị phát sinh chi phí phạt lưu kho bãi bất khả kháng khi gặp trục trặc về chứng từ, giấy phép chuyên ngành hoặc chậm phân luồng tờ khai.

- **Tăng sự liên kết cơ cấu vận hành với thương vụ cảng và bãi chỉ định (Depot):**

Duy trì sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý bãi và hải quan giám sát cảng cửa khẩu dỡ hàng để đối chiếu chính xác hệ thống dữ liệu *Manifest*. Việc liên kết này giúp nhân viên Ops nắm bắt chính xác tọa độ vị trí container trên bãi cảng (CY Location), giúp xe đầu kéo vào cảng có thể tiếp cận container làm hàng lập tức, cắt giảm thời gian xe rỗng chờ đợi, tối ưu hóa chuỗi chi phí nâng hạ chằng đầu cảng.

3.2.8. Nâng cao công tác quản lý rủi ro và xử lý sự cố trong giao nhận hàng hóa

- **Quy trình kiểm soát nghiêm ngặt trạng thái vỏ container chằng giao nhận:**

Thực tế khảo sát cho thấy tiêu chí "công ty cố gắng không xảy ra sai sót khi phục vụ" đạt điểm số rất thấp (chỉ 3.07 điểm). Để kiểm soát rủi ro tài chính, Timex yêu cầu tài xế xe trucking trước khi kéo container ra khỏi cổng bãi cảng và tại thời điểm trả vỏ rỗng về bãi chỉ định (như bãi cảng **Vip Green**) phải thực hiện kiểm tra hiện trạng vật lý của vỏ container: chụp hình chi tiết các góc cạnh, bề mặt vách trong/ngoài, mâm container, nóc cont và niêm chì (*Seal No.*). Nếu xuất hiện vết móp méo, thủng nóc hay bẹp xà, tài xế phải yêu cầu nhân viên cảng lập biên bản ghi chú trực tiếp vào phiếu giao nhận container (**EIR**) để làm bằng chứng pháp lý đối chiếu, loại bỏ tình trạng hãng tàu phạt tiền cước sửa chữa vỏ container một cách vô lý.

- **Tối ưu hóa tốc độ xử lý thủ tục hoàn cước vỏ container:**

Rút kinh nghiệm từ phản ánh tiêu chí xử lý khiếu nại và hoàn trả chậm trễ, ngay sau khi tài xế hoàn tất việc hạ vỏ rỗng về bãi chỉ định an toàn, bộ phận chứng từ phải lập tức lập hồ sơ công văn hoàn tiền cược vỏ theo đúng biểu mẫu quy chuẩn của hãng tàu, đính kèm giấy mượn container, bản phơi nâng/hạ cảng và vận đơn điện tử gửi thẳng đến phòng công nợ của hãng tàu. Việc này giúp truy thu lại 100% dòng tiền cược container nhanh chóng, tránh việc dồn ứ công nợ và tăng mức độ hài lòng về dòng vốn cho khách hàng.

3.2.9. Mở rộng và đa dạng hóa dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng

- **Cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý tối ưu hóa thuế suất nhập khẩu:**

Vượt lên trên vai trò của nhà vận tải kéo hàng đơn thuần, đội ngũ chuyên viên của Timex cần chủ động hỗ trợ, tư vấn chuyên sâu cho chủ hàng ngay từ khâu đàm phán hợp đồng ngoại thương về các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms 2010/2020) và hướng dẫn kiểm tra tính hợp lệ của các biểu mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O). Việc đảm bảo C/O được cấp từ phòng thương mại nước xuất khẩu (ví dụ: *Kaohsiung Importers and Exporters Chamber of Commerce*) hợp chuẩn hợp quy sẽ giúp khách hàng của Timex được áp dụng các sắc thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo luật định.

- **Tích hợp chuỗi hậu cần chặng cuối trọn gói (Integrated Last-Mile Logistics):**

Đáp ứng xu thế phát triển bền vững chuỗi cung ứng, Timex cần xây dựng các gói dịch vụ tích hợp đa dạng: thực hiện khai thuê hải quan trọn gói, đại lý làm thủ tục kiểm tra chuyên ngành tại cơ quan chức năng, phun trùng hàng hóa (*Fumigation*), dán nhãn mác phụ hàng hóa nhập khẩu theo đúng quy chuẩn pháp lý trước khi hàng ra thị trường, kết hợp với đội ngũ vận tải bộ cung ứng dịch vụ kéo container đường dài an toàn đến tận kho riêng của khách hàng tại các tỉnh xa (Door-to-Door chặng nội địa).

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị đối với Nhà nước và các cơ quan quản lý

- **Đẩy mạnh đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông kết nối cụm cảng biển cửa khẩu:**

Kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải và chính quyền các địa phương tập trung nguồn lực ngân sách quốc gia đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục giao thông huyết mạch kết nối trực tiếp với các cụm cảng biển lớn (như cụm cảng Hải Phòng, cảng Đình Vũ, bãi CY Vip Green Port). Việc đồng bộ hạ tầng giao thông bộ và loại bỏ các nút thắt ùn tắc quanh khu vực hạ lưu cảng là giải pháp căn cơ giúp các

phương tiện vận tải bộ (trucking) lưu thông thông suốt , giúp doanh nghiệp logistics đảm bảo cam kết về thời gian giao nhận hàng hóa đúng hẹn cho chủ hàng.

- **Nâng cao hiệu năng và tính ổn định của hệ thống một cửa quốc gia:**

Cơ quan quản lý Tổng cục Hải quan cần tiếp tục tối ưu hóa hệ thống máy chủ, giảm thiểu tối đa các sự cố gián đoạn đường truyền của phần mềm hải quan điện tử VNACCS/VCIS. Đồng thời, kiến nghị các Bộ, ngành liên quan đẩy mạnh việc đơn giản hóa, minh bạch hóa danh mục kiểm tra chuyên ngành chặng cửa khẩu, chuyển mạnh từ phương thức "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" nhằm rút ngắn thời gian thông quan, hỗ trợ đặc lực doanh nghiệp cắt giảm chi phí lưu kho bãi phát sinh.

3.3.2. Kiến nghị đối với Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLA)

- **Xây dựng hệ sinh thái kết nối cộng đồng doanh nghiệp logistics nội địa:**

Kiến nghị VLA tăng cường tổ chức các diễn đàn, hội nghị xúc tiến thương mại quy mô lớn làm cầu nối liên kết chặt chẽ giữa khối các doanh nghiệp logistics vừa và nhỏ trong nước với các tập đoàn chủ hàng sản xuất lớn. Sự kết nối này giúp hình thành một chuỗi liên kết cộng sinh vững chắc, giúp các doanh nghiệp nội địa nâng cao năng lực đấu thầu dịch vụ, từng bước giành lại thị phần logistics trọn gói ngay trên sân nhà từ tay các tập đoàn đa quốc gia.

- **Thúc đẩy chuẩn hóa công tác đào tạo nhân sự đạt chứng chỉ quốc tế:**

VLA(Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam) cần phối hợp với các tổ chức giao nhận vận tải quốc tế (như Liên đoàn FIATA- Liên đoàn Quốc tế các Hiệp hội Giao nhận Vận tải) tổ chức thường xuyên các chương trình đào tạo chuyên sâu , cấp chứng chỉ nghề nghiệp logistics chuẩn quốc tế với mức chi phí ưu đãi cho nguồn nhân lực của các doanh nghiệp thành viên. Việc chuẩn hóa tri thức quản trị chuỗi cung ứng, số hóa quy trình logistics và cập nhật liên tục các nguồn luật mới điều chỉnh hoạt động vận tải biển toàn cầu là giải pháp then chốt nâng cao mặt bằng năng lực nhân sự toàn ngành.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng phát triển, dịch vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) đóng vai trò quan trọng đối với các doanh nghiệp logistics và thương mại quốc tế. Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex, có thể thấy công ty đã từng bước xây dựng được quy trình giao nhận tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Với những cơ hội và thách thức đan xen, chúng em tin rằng, nếu có chiến lược phát triển phù hợp cùng với sự hỗ trợ của chính sách vĩ mô, Timex hoàn toàn có thể phát huy tốt lợi thế hiện có, từng bước khẳng định vị thế trong ngành logistics, không chỉ trong nước mà còn vươn ra thị trường khu vực. Từ đó, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của ngành logistics Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được như thời gian xử lý hàng hóa được cải thiện, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm và chất lượng dịch vụ từng bước được nâng cao, hoạt động giao nhận hàng nhập khẩu nguyên container tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như xử lý chứng từ còn mất nhiều thời gian, sự phối hợp giữa các bộ phận chưa thực sự đồng bộ và còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố bên ngoài như hãng tàu, cảng biển và thủ tục hải quan.

Từ việc phân tích thực trạng hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container tại Công ty Timex, bài luận đã chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến các hạn chế còn tồn tại. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp cần tiếp tục hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường phối hợp với các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận trong thời gian tới.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu, bài luận khó tránh khỏi những thiếu sót do hạn chế về kiến thức thực tế và thời gian thực hiện. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ quý thầy cô để bài luận được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu nội bộ

1. Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Timex, *Bộ phận kế toán, báo cáo nội bộ hàng năm*, chưa công bố rộng rãi, giai đoạn 2022-2024.

2. Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Thị Hồng Vân, *Giáo trình Logistics*, Chương trình đào tạo từ xa qua truyền hình, truyền thanh, mạng Internet, 2006.
2. Liên Hợp Quốc, *Khóa đào tạo quốc tế về vận tải đa phương thức và quản lý logistics*, Đại học Ngoại thương, tháng 10/2002.
3. Điều 233 *Luật thương mại Việt Nam 2005*.
4. GS. TS. Đặng Đình Đào và cộng sự, *Giáo trình Quản trị Logistics căn bản*, NXB Lao động, 2024.
5. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, *Kinh tế và Kinh doanh*, Tập 29, Số 1 (2013)

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SÁT CẢM NHẬN THỰC TẾ CỦA KHÁCH HÀNG

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ LOGISTICS TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TIMEX.

Kính gửi Quý khách hàng,

Tôi là nhóm sinh viên chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng. Hiện tại, tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài: "Giải pháp nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xuất nhập khẩu Timex"

Nghiên cứu này nhằm thu thập ý kiến khách quan từ phía khách hàng, từ đó giúp Công ty Timex nâng cao chất lượng hiệu quả giao nhận hàng hóa ở hiện tại và tương lai, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sự hài lòng của Quý khách hàng.

Chúng tôi kính mong Quý khách hàng dành một chút thời gian quý báu để hoàn thành **bảng khảo sát** dưới đây. Toàn bộ thông tin thu thập được **chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và hoàn toàn được bảo mật**. Chúng tôi cam kết không sử dụng dữ liệu vào bất kỳ mục đích nào khác.

Chân thành cảm ơn sự hỗ trợ và tinh thần thiện chí của Quý khách!

• thutrangng2607@gmail.com

☎ [0904.208.770](tel:0904.208.770)

*** Biểu thị câu hỏi bắt buộc**

*** Biểu thị câu hỏi bắt buộc**

Phần 1: Thông tin cá nhân

1. Giới tính *

☐ Nam

☐ Nữ

2. Độ tuổi *

☐ Dưới 25

☐ 25 - 35

☐ 36 - 45

☐ Trên 45

3. Thời gian sử dụng dịch vụ giao nhận FCL nhập khẩu *

☐ Dưới 6 tháng

☐ 6 – 12 tháng

☐ 1 – 2 năm

☐ Trên 2 năm

4. Lĩnh vực kinh doanh *

☐ Sản xuất

☐ Thương mại

☐ Xuất nhập khẩu

☐ Logistics

☐ Khác:

5. Tần suất sử dụng dịch vụ logistics của bạn *

☐ Hàng tuần

☐ Hàng tháng

☐ Hàng quý

☐ Không thường xuyên

Phần 2: Đánh giá chất lượng dịch vụ (Quý khách vui lòng đánh dấu [X] vào mức độ hài lòng)

(1: Rất không hài lòng | 2: Không hài lòng | 3: Bình thường | 4: Hài lòng | 5: Rất hài lòng)

Phần 2: Đánh giá chất lượng dịch vụ (Quý khách vui lòng đánh dấu [X] vào mức độ hài lòng)

(1: Rất không hài lòng | 2: Không hài lòng | 3: Bình thường | 4: Hài lòng | 5: Rất hài lòng)

A. ĐỘ TIN CẬY (Reliability)

STT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5
1	Công ty thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng dịch vụ	☐	☐	☐	☐	☐
2	Hàng hóa được giao nhận đúng thời gian dự kiến	☐	☐	☐	☐	☐
3	Chứng từ nhập khẩu được xử lý chính xác và đầy đủ	☐	☐	☐	☐	☐
4	Thông tin về lô hàng được cập nhật kịp thời và chính xác	☐	☐	☐	☐	☐
5	Hàng hóa được giao nhận an toàn, hạn chế mất mát hoặc hư hỏng	☐	☐	☐	☐	☐

B. KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG (Responsiveness)

STT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5
1	Nhân viên phản hồi nhanh các yêu cầu của khách hàng	☐	☐	☐	☐	☐
2	Các thắc mắc được giải quyết kịp thời	☐	☐	☐	☐	☐
3	Công ty chủ động thông báo khi có phát sinh liên quan đến lô hàng	☐	☐	☐	☐	☐
4	Thời gian xử lý thủ tục nhập khẩu nhanh chóng	☐	☐	☐	☐	☐

C. NĂNG LỰC PHỤC VỤ (Assurance)

STT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5
1	Nhân viên có kiến thức chuyên môn về giao nhận và xuất nhập khẩu	☐	☐	☐	☐	☐
2	Nhân viên tư vấn chính xác các quy định hải quan	☐	☐	☐	☐	☐
3	Nhân viên xử lý tốt các tình huống phát sinh	☐	☐	☐	☐	☐
4	Khách hàng cảm thấy yên tâm khi sử dụng dịch vụ	☐	☐	☐	☐	☐

D. SỰ ĐỒNG CẢM (Empathy)

STT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5
1	Công ty quan tâm đến nhu cầu riêng của khách hàng	☐	☐	☐	☐	☐
2	Nhân viên luôn hỗ trợ khách hàng tận tình	☐	☐	☐	☐	☐
3	Công ty linh hoạt trong việc xử lý yêu cầu của khách hàng	☐	☐	☐	☐	☐
4	Khách hàng dễ dàng liên hệ với nhân viên phụ trách	☐	☐	☐	☐	☐

E. GIÁ CẢ DỊCH VỤ

STT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5
1	Mức phí dịch vụ phù hợp với chất lượng cung cấp	☐	☐	☐	☐	☐
2	Các khoản chi phí được thông báo rõ ràng và minh bạch	☐	☐	☐	☐	☐
3	Công ty có mức giá cạnh tranh trên thị trường	☐	☐	☐	☐	☐
4	Khách hàng hài lòng với tổng chi phí dịch vụ	☐	☐	☐	☐	☐

Phần 3: Đánh giá tổng thể *

1. Mức độ hài lòng chung về dịch vụ:

- ☐ Rất không hài lòng
☐ Không hài lòng

Phần 3: Đánh giá tổng thể *

1. Mức độ hài lòng chung về dịch vụ:

- ☐ Rất không hài lòng
- ☐ Không hài lòng
- ☐ Bình thường
- ☐ Hài lòng
- ☐ Rất hài lòng

2. Quý khách có tiếp tục sử dụng dịch vụ trong tương lai không?

- ☐ Chắc chắn không
- ☐ Có thể không
- ☐ Chưa quyết định
- ☐ Có thể có
- ☐ Chắc chắn có

3. Quý khách có sẵn sàng giới thiệu dịch vụ cho đối tác hoặc bạn bè không?

- ☐ Không
- ☐ Có

Phần 4: Đóng góp ý kiến chi tiết

1. Yếu tố nào về dịch vụ của chúng tôi làm Quý khách **hài lòng nhất**?

.....

.....

.....

.....

2. Yếu tố nào Quý khách cảm thấy **cần cải thiện**? (Ví dụ: thái độ, thời gian, đóng gói, app lỗi...)

.....

.....

.....

.....

3. Đề xuất của Quý khách để chúng tôi phục vụ tốt hơn trong tương lai:

.....

.....

.....

.....

Phần 4: Đóng góp ý kiến chi tiết

1. Yếu tố nào về dịch vụ của chúng tôi làm Quý khách **hài lòng nhất**?

.....
.....
.....
.....

2. Yếu tố nào Quý khách cảm thấy **cần cải thiện**? (Ví dụ: thái độ, thời gian, đóng gói, app lỗi...)

.....
.....
.....
.....

3. Đề xuất của Quý khách để chúng tôi phục vụ tốt hơn trong tương lai:

.....
.....
.....
.....

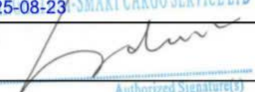
4. Điểm mạnh lớn nhất của dịch vụ giao nhận FCL nhập khẩu hiện nay là gì?

.....
.....
.....
.....

Cảm ơn bạn đã dành thời gian để hoàn thành khảo sát của chúng tôi. Những chia sẻ của bạn sẽ giúp nhóm nghiên cứu hiểu rõ hơn về trải nghiệm của khách hàng và góp phần cải thiện chất lượng nâng cao hiệu quả giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển của Công ty TNHH thương mại dịch vụ XNK Timex trong tương lai.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý khách!

PHỤ LỤC 2. VẬN ĐƠN (BILL OF LADING)

1.Shipper(Insert Name,Address and Phone) SHANGHAI DUWELL TECHNOLOGY CO.,LTD. BUILDING 11, NO.55 ZIDONG ROAD, MINHANG DISTRICT, SHANGHAI, CHINA TEL: +86(21)54956258 FAX:+86(21)54956259		B/L NO. SUC014662	
2.Consignee(Insert Name,Address and Phone) LIONCORE INDUSTRIES VIETNAM CO.,LTD ADDRESS : LOT CN-05, DONG MAI INDUSTRIAL ZONE, DONG MAI WARD, QUANG NINH PROVINCE, VIETNAM TEL: 0936309798 KIMANHP@LIONCORE-VN.COM SALES5@LIONCORE-VN.COM TAX ID: 5702076016		 SHANGHAI UNI-SMART CARGO SERVICE LTD. BILL OF LADING RECEIVED in external apparent good order and condition except as otherwise noted.The total number of packages or units stuffed in the container,description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnish by the Merchants,and which the carrier has no reasonable means of checking and is not a part of this Bill of Lading contract.The carrier has issued the number Bills of Lading stated below,all of this tenor and date,one of the original Bills of Lading must be surrendered and endorsed or signed against the delivery of shipment and whereupon any other Original Bills of Lading shall be void.The Merchants agree to be bound by the terms and conditions of Bill of Lading as if each had personally signed this Bill of Lading.	
3.Notify Party(Insert Name,Address and Phone) SAME AS CONSIGNEE			
4.Combined Transport Pre-carriage by	5.Combined Transport Place of Receipt	For delivery of goods apply to: TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORT CO.,LTD ADD: NO 2 DONG CHINH, GIA VIEN WARD, HAIPHONG CITY, VIETNAM TAX ID: 0201878468 EMAIL: CUS@TIMEXTRASECO.COM; MS HANG 0936543725	
6.Ocean Vessel Voy.No. PANJA BHUM 2533S	7.Port of Loading SHANGHAI		
8.Port of Discharge HAIPHONG	9.Combined Transport Place of Delivey HAIPHONG		
Marks & No.s Container / Seal No. N/M SNBU2353583/0616323 10 PACKAGES/12758KGS/19.25CBM/20'GP SNBU2308075/0613115 10 PACKAGES/12758KGS/19.25CBM/20'GP	No.of Containers or Packages 20 PACKAGES	Description of Goods(If Dangerous Goods,See Clause 12) SHIPPER'S LOAD,COUNT & SEAL TWO-COMPONENT POLYURETHANE ADHESIVE-A TWO-COMPONENT POLYURETHANE ADHESIVE-B	Gross Weight Kgs 25,516.000 KGS
		Measurement 38.500 CBM CY/CY 2 X 20'GP SHIPPED ON BOARD: 2025-08-23	
Description of Contents for Shipper's Use only (Not Part of This B/L Contract)			
10.Total Number of containers and/or packages(in words) Subject to Clause 4 Limitation SAY TWENTY (20) PACKAGES ONLY.			
11.Freight & Charges Declared Value Charge FREIGHT COLLECT	Revenue Tons	Rate	Per
			Prepaid
			Collect
Ex.Rate	Prepaid at	Payable at HAIPHONG	Place and date of Issue SHANGHAI 2025-08-23
	Total Prepaid	No.of Original B/L(s) THREE	As Carrier  Authorized Signature(s)

PHỤ LỤC 3: VẬN ĐƠN GOM HÀNG (WAY BILL)

1.Shipper
SHANGHAI UNI-SMART CARGO SERVICE LTD.
ADD:UNIT 2302,FLOOR 23,YUHAN BUILDING,
NO.525 NORTH SICHUAN ROAD,HONGKOU
DISTRICT,SHANGHAI,200082 P.R.CHINA
TEL/FAX: 021- 5603 0182

WB/L No.
Booking Ref: SNLFSHVLMF06245
Shipper's IOKSNL2508112568



中外运集装箱运输（海南）有限公司
Sinotrans Container Lines (Hai Nan) Company Limited

2.Consignee(Non-negotiable Unless Consigned to Order)
TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORT CO.,LTD
ADD: NO 2 DONG CHINH, GIA VIEN WARD,
HAIPHONG CITY, VIETNAM

WAYBILL

For Combined Transport Shipment or Port to Port Shipment
RECEIVED in apparent good order and condition, unless otherwise noted herein,
the total number of quantity of containers or other packages or units indicated in
the "Total Number of Containers or Packages (in words)" box for carriage from
the Place of Receipt or the Port of Loading, whichever applicable, to the Port of
Discharge or the Place of Delivery whichever applicable.
DELIVERY will be made to the Consignee or his authorized representative upon
presentation of a delivery receipt or other evidence of identity and authorization
satisfactory to the Carrier in its sole and absolute discretion without the need of
producing or surrendering a copy of this Sea Waybill.

3.Notify party(Carrier not to be Responsible for Failure to Notify)
TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORT CO.,LTD
ADD: NO 2 DONG CHINH, GIA VIEN WARD,
HAIPHONG CITY, VIETNAM

4.Pre-carriage By*	5.Place of Receipt*	6.Vessel & Voyage No.	7.Port of Loading	8.Port of Discharge	9.Place of Delivery*	10.Point and Country of Origin	Forwarding Agent References	Service Contract No.	Document No.	Export References
	SHANGHAI	PANJA BHUM 2533S	SHANGHAI	HAIPHONG	HAIPHONG					

11.Marks & Nos. Container/Seal No.	No.of Packages or Containers	Description of Contents for Shipper's Use only (not part of this B/L Contract)		
		Description of Goods	Gross Weight(Kgs)	Measurement(Cbm)
N/M		SHIPPER'S LOAD,COUNT&SEAL,CONTENTS UNKNOWN SAID TO CONTAIN		
20GP FCL SNBU2308075/0613115	79PKGS	CORK UNDERLAYMENT	35833KGS	104.5CBM
20GP FCL SNBU2353583/0616323		HS CODE:450410		
40HC FCL FCIU7239281/424795		TWO-COMPONENT POLYURETHANE ADHESIVE-A		
		TWO-COMPONENT POLYURETHANE ADHESIVE-B		
12.Total Number of Packages or Containers (in Words)	CY-CY TOTAL: 40HC*1;20GP*2; CONTAINERS ONLY.			

13.Freight and Charges	19.No. of Original Waybills ONE	Regarding Transhipment Information Please Contact VOSA CORPORATION ORIMAS - HAIPHONG ADDRESS:NO 54 LE LOI STR.,NGO QUYEN DIST, HAIPHONG CITY, VIETNAM TEL: 0084 313 550168/550818 FAX: 0084 313 738541
Optional Declared value for Increased Freight Charges to Avoid Packages Limitation:US\$	20.Place and Date of Issue This Waybill is issued subject to the CMI uniform rules for Sea Waybill SHANGHAI	23-Aug-25
14.Prepaid/Collect	15.Prepaid at SHANGHAI	16.Payable at
17.Total Prepaid	18.Laden on board the Vessel 23-Aug-25	21.Signed for the Carrier, Sinotrans Container Lines (Hai Nan) Company Limited.

*Applicable Only When Document Used as a Combined Transport Waybill
Sinolines Standard Form SNL0101 No. SW 0000001

PHỤ LỤC 4: LỆNH GIAO HÀNG (DELIVERY ORDER)

 ORIENT MARITIME SERVICE (ORIMAS)		 SINOTRANS CONTAINER LINES CO.,LTD	
Shipper: SHANGHAI UNI-SMART CARGO SERVICE LTD. ADD:UNIT 2302,FLOOR 23,YUHAN BUILDING, NO.525 NORTH SICHUAN ROAD,HONGKOU DISTRICT,SHANGHAI,200082 P.R.CHINA TEL/FAX: 021- 5603 0182 5603 0182		BL No: SNLFSHVLMF06245 No: 20250828093543090	
Consignee: TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORTCOMPANY LIMITED		LỆNH GIAO HÀNG DELIVERY ORDER ORIENT MARITIME SERVICE(ORIMAS) SINOTRANS CONTAINER LINES DEPT Add. : 54 Le Loi str., Ngo Quyen Dist., Haiphong, Vietnam. Tel : +84.225.3550168 // Fax:+ 84.225.738541 Email: import.orimas@vosagroup.com	
Notify party: TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORT CO.,LTD ADD: NO 2 DONG CHINH, GIA VIEN WARD, HAIPHONG CITY, VIETNAM 0936543725 CUS@TIMEXTRASECO.COM			
Vessel name PANJA BHUM	Voyage No. 2533S	Estimated time of Arrival 27/08/2025	Terminal NAM HAI DINH VU
Place of receipt SHANGHAI	Port of loading SHANGHAI	Port of discharge HAIPHONG	Place of Delivery HAIPHONG
TOTAL: 2x20GP; 1x40HC;	Number and Kind of packages 79	Gross Weight (KGS) 35,833.000	Measurement (CBM) 104.500
Container No / Size & Type SNBU2353583 / 20GP FCIU7239281 / 40HC SNBU2308075 / 20GP	Lệnh có giá trị đến hết ngày 09/09/2025 09/09/2025 09/09/2025	Số ngày miễn phí lưu vò 7 7 7	Nơi trả rỗng HÀ HƯNG HẢI HÀ HƯNG HẢI HÀ HƯNG HẢI
Mã bảo mật: de724713		Hải phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2025	

PHỤ LỤC 5: GIẤY BÁO HÀNG ĐẾN (ARRIVAL NOTICE)

ORIENT MARITIME SERVICE (ORIMAS)		SINOTRANS CONTAINER LINES CO.,LTD								
Shipper: SHANGHAI UNI-SMART CARGO SERVICE LTD. ADD:UNIT 2302,FLOOR 23,YUHANG BUILDING, NO.525 NORTH SICHUAN ROAD,HONGKOU DISTRICT,SHANGHAI,200082 P.R.CHINA TEL/FAX: 021- 5603 0182 5603 0182		BL No./ SNLFSHVLMF06245								
Consignee: TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORT CO.,LTD ADD: NO 2 DONG CHINH, GIA VIEN WARD, HAIPHONG CITY, VIETNAM 0936543725 CUS@TIMEXTRASECO.COM		GIẤY BÁO HÀNG ĐẾN ARRIVAL NOTICE								
Notify party: TIMEX TRADING SERVICE IMPORT EXPORT CO.,LTD ADD: NO 2 DONG CHINH, GIA VIEN WARD, HAIPHONG CITY, VIETNAM 0936543725 CUS@TIMEXTRASECO.COM		ETB: NAM HAI DINH VU (VNDNH/03TGS15) 23H30, 27/08/2025 Please contact: ORIENT MARITIME SERVICE (ORIMAS) AS AGENT FOR SINOTRANS CONTAINER LINES Add. : 54 Le Loi str, Ngo Quyen Dist, Haiphong city, Vietnam. Tel : +84.225.3550168 Email: import.orimas@vosagroup.com Accounting: +84.225.3855004 Email: tckt.orimas@vosagroup.com								
Ocean Vessel / Tên tàu PANJA BHUM	Voyage / Chuyến 2533S	Place of receipt / Nơi nhận SHANGHAI	Port of loading / Cảng xếp SHANGHAI							
Place of receipt / Nơi nhận SHANGHAI	Port of loading / Cảng xếp SHANGHAI	Place of delivery / Nơi phát hàng HAIPHONG	Terminal NAM HAI DINH VU							
Container No & Seal SNBU2308075 / 20GP / 0613115 FCIU7239281 / 40HC / 424795 SNBU2353583 / 20GP / 0616323	Number and Kind of package 79: PKGS Shipping marks N/M	Gross Weight 35,833.000 KGS	Measurement 104.500 CBM							
Description of Goods ? CORK UNDERLAYMENT HS CODE:450410 TWO-COMPONENT POLYURETHANE ADHESIVE-A TWO-COMPONENT POLYURETHANE ADHESIVE-B										
TOTAL NUMBER OF CONTAINERS: 2x20GP; 1x40HC;										
Phi đổi lệnh (Đã bao gồm VAT): THC: USD135/20' ; USD203/40' ; USD203/20RF; USD304/40RF CIS: - USD80/20' ; USD160/40' (from Korea to HaiPhong) - USD120/20';USD240/40' (from China mainland, Hongkong to HaiPhong) LSS: - USD110/20' ; USD220/40' ; USD165/20RF ; USD330/40RF (from Korea to HaiPhong) - USD110/20' ; USD220/40' ; USD165/20RF ; USD330/40RF (from Hongkong to HaiPhong) - USD165/20' ; USD330/40' ; USD248/20RF ; USD495/40RF (from China mainland to HaiPhong) D/O Fee: 800.000 VND RCC: 300.000VND/20' ; 600.000VND/40' ; 350.000VND/20RF ; 700.000VND/40RF RCC: Repair and Cleaning charge under USD 50.00 will be waived Tiền cước vỏ: - Đối với cont hàng thường, trong phạm vi ước tính 150km(Hà Nội, Thái Bình...): miễn cước - Đối với hàng rút ruột tại Cảng: 3.000.000 VND/20' & 5.000.000 VND/40' - Di biên giới: 10.000.000 VND/20'DC & 15.000.000 VND/40'DC,HC - Đối với cont RF/RH: 120.000.000 VND(kèm theo bảo hiểm vỏ cont: 30.000 USD)		Yêu cầu nhận EDO như sau: Email nhận: import.orimas@vosagroup.com Tiêu đề: Nhận EDO / số bill / tên tàu / số chuyến Nội dung: - Số bill: - Consignee name: - Mã số thuế + tên công ty nhận lệnh (EDO): - Phương thức thanh toán: đã chuyển khoản lệnh ngày + cước(nếu có) - Thông tin người yêu cầu (tên và số điện thoại): (Bill gốc vui lòng nộp tại văn phòng hàng tàu)								
Container Type	DEMURRAGE (Currency: VND) / Day				DETENTION (Currency: VND) / Day					
	Free Time (Calendar days)	Next 05 day		Thereafter		Free Time (Calendar days)	Next 05 day		Thereafter	
		20'	40'	20'	40'		20'	40'	20'	40'
HC/GP	5	350,000	750,000	550,000	1,150,000	3	350,000	750,000	550,000	1,150,000
OT/FR	3	450,000	950,000	750,000	1,550,000	3	450,000	950,000	750,000	1,550,000
RH/RF	3	700,000	1,450,000	1,000,000	2,050,000	2	700,000	1,450,000	1,000,000	2,050,000
DG	3	550,000	1,150,000	850,000	1,750,000	3	550,000	1,150,000	850,000	1,750,000

No: 90

DỊCH VỤ HÀNG HẢI PHƯƠNG ĐÔNG (ORIMAS)
SINOTRANS CONTAINER LINES

PHỤ LỤC 7: TỜ KHAI HẢI QUAN

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	1,07484E+11			Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	E31 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3506		
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CKHONGAI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00		
Ngày đăng ký	28/08/2025 16:26:57	Ngày thay đổi đăng ký					
<02>							
Mã số hàng hóa	35069190	Mã quản lý riêng	120CF	Mã phân loại tái xác nhận giá	[]		
Mô tả hàng hóa	RRJ#&Chất kết dính đã điều chế U638-B,có thành phần là Poly(methylene phenyl isocyanate) Cas: 9016-87-9,quy cách 25kg/thùng,dùng trong sản xuất sản nhựa, mới 100%						
				Số lượng (1)	4.800	KGM	
Số của mục khai khoản điều chỉnh				Số lượng (2)	4.800	KGM	
Trị giá hóa đơn	11.520			Đơn giá hóa đơn	2,4	USD	
Thuế nhập khẩu							
Trị giá tính thuế(S)	303.334.820	VND	Trị giá tính thuế(M)	-			
Số lượng tính thuế				Đơn giá tính thuế	63.194,754167	- VND - KGM	
Thuế suất	A	14% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối				
Số tiền thuế				Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01		
Số tiền miễn giảm	42.466.874,8	VND	Mã ngoài hạn ngạch				
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Danh mục miễn thuế nhập khẩu							
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu							
XN210	HANG HOA NHAP KHAU DE SAN XUAT HANG HOA XUAT KHAU						
Thuế và thu khác							
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất V				
	Trị giá tính thuế	303.334.820	VND	Số lượng tính thuế			
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác			
	Số tiền thuế	VND		VK120	NGUYEN LIEU NK DE SAN XUAT, GIA		
	Số tiền miễn giảm	VND		CONG HANG XK			
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất			
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế			
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác			
	Số tiền thuế	VND					
	Số tiền miễn giảm	VND					
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất			
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế			
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác			
	Số tiền thuế	VND					
	Số tiền miễn giảm	VND					
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất			
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế			
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác			
	Số tiền thuế	VND					
	Số tiền miễn giảm	VND					
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất			
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế			
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác			
	Số tiền thuế	VND					
	Số tiền miễn giảm	VND					